

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHAN THANH NGUYỄN

**TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN
XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỰ THỰC TIỄN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHAN THANH NGUYỄN

TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN
XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỰ THỰC TIỄN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
GS.TS. VÕ KHÁNH VINH

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM	8
1.1. Những vấn đề lý luận về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm	8
1.2. Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm	21
Chương 2: THỰC TIỄN TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM TẠI QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	34
2.1. Khái quát về thực trạng xét xử hình sự sơ thẩm tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh	34
2.2. Thực trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh	35
2.3. Đánh giá thực trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh	41
Chương 3: BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG ĐÚNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM	50
3.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự	50
3.2. Tổ chức thực hiện đúng các quy định của pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm	53
3.3. Tăng cường mối quan hệ giữa Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân	60
3.4. Nâng cao năng lực của cán bộ	61
KẾT LUẬN	65
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	67

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS:	Bộ luật Hình sự
BLTTHS:	Bộ luật Tố tụng hình sự
CQĐT:	Cơ quan điều tra
TAND:	Tòa án nhân dân
TTHS:	Tố tụng hình sự
VKSND:	Viện kiểm sát nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đất nước ta đang trên đường đổi mới toàn diện với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Do vậy, mở rộng dân chủ, tăng cường pháp chế, bảo vệ có hiệu quả các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân luôn được coi là nhiệm vụ cấp bách của toàn xã hội. Yêu cầu đặt ra đối với pháp luật trước hết phải có những quy định chặt chẽ về bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Điều 14 Hiến pháp 2013 quy định “1. Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”. Việc quy định này chỉ là hình thức nếu nó không được thực hiện trong thực tế. Bảo vệ quyền con người, quyền công dân là mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm của các thiết chế nhà nước và pháp luật dân chủ. Bảo đảm thực hiện có hiệu quả các quyền công dân đã được pháp luật quy định là tiêu chí để đánh giá sự văn minh, tiến bộ của một xã hội hiện đại.

Mục tiêu đối với các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự là đảm bảo cho việc xét xử đúng người, đúng tội và không làm oan người vô tội. Việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam cũng là một phần của quá trình thực hiện mục tiêu này. Thực tiễn việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian vừa qua có nhiều khó khăn vướng mắc. Hàng năm Tòa án nhân dân Quận 12 đều trả hồ sơ để điều tra bổ sung, có năm trả để điều tra bổ sung trên 50 vụ án hình sự. Có những vụ trả hồ sơ điều tra bổ sung để điều tra thêm chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung làm rõ tại phiên tòa được; cũng có những

vụ án trả hồ sơ vì có căn cứ cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác; có vụ trả hồ sơ điều tra bổ sung khi phát hiện vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên có trường hợp trả hồ sơ điều tra bổ sung thì được Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp chấp nhận, có vụ không được chấp nhận và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố.

Những lý do điều kiện trả hồ sơ để điều tra bổ sung thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 176, khoản 1 Điều 179, khoản 2 Điều 199 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và mới đây là quy định tại Điều 85, Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Hiến pháp 2013 thì “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật...”

Để góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đòi hỏi việc áp dụng pháp luật phải đúng đắn và phù hợp là một yêu cầu tất yếu trong các biện pháp hoàn thiện pháp luật.

Do đó để khắc phục được những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung đảm bảo cho việc áp dụng pháp luật chính xác đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm và cũng không làm oan người vô tội, để đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì việc nghiên cứu việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm dưới góc độ lý luận và thực tiễn để thông qua đó có những kiến nghị hoàn thiện pháp luật, có những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về việc trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự ở Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh là cần thiết.

Từ những lý do trên mà tác giả chọn đề tài “Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh” làm luận văn Thạc sỹ Luật.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Thực tế từ trước đến nay đã có một số công trình khoa học nghiên cứu về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung với những quy mô, phương diện khác nhau. Chẳng hạn như: “Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự” năm 2003 của GS.TS Võ Khánh Vinh; “Một số vấn đề về hoạt động tư pháp và kiểm sát hoạt động tư pháp ở nước ta hiện nay” của PGS.TS Trần Văn Độ; “Hoàn thiện chế định Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003” tác giả Nguyễn Ngọc Kiện, Tạp chí Dân chủ và pháp luật số 7/2012; “Hoàn thiện quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về việc Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung” của tác giả Vũ Gia Lâm, Tạp chí Tòa án nhân dân số 3/2013... luận văn thạc sỹ của tác giả Nguyễn Văn Hải với đề tài “Trả hồ sơ điều tra điều tra bổ sung theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Định” (Học viện khoa học xã hội – năm 2014; gần đây là luận văn thạc sỹ của tác giả Dương Thị Thùy Trang với đề tài “Trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu” (Học viện Khoa học xã hội – năm 2016”.

Các công trình khoa học, luận văn của các tác giả đã góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Tuy nhiên các công trình nghiên cứu chỉ nghiên cứu một số khía cạnh, tình tiết cụ thể đang còn tranh cãi trong thực tiễn. Chưa có nhiều nghiên cứu một cách toàn diện về nguyên nhân và hạn chế trong việc áp dụng các quy định về việc trả hồ sơ để điều tra

bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm dẫn đến tình trạng hiểu và áp dụng pháp luật còn chưa thống nhất; gặp nhiều vướng mắc khi áp dụng và hiện tại vẫn còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết triệt để.

Thực tiễn cho thấy có nhiều vấn đề trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung chưa thống nhất với lý luận khoa học.

Vì các lý do nêu trên và để đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của tình hình hiện nay tác giả lựa chọn đề tài “Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm từ thực tiễn Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh” để thực hiện Luận văn Thạc sỹ.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận, các quy định của Luật tố tụng hình sự và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở địa bàn Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh mà tác giả có những kiến nghị hoàn thiện pháp luật, đề xuất nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

+ Nghiên cứu những vấn đề lý luận và pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm.

+ Nghiên cứu thực tiễn trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khái quát về thực trạng xét xử hình sự sơ thẩm tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đánh giá thực trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Các giải pháp bảo đảm trả hồ sơ để điều tra bổ sung đúng trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm.

Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự.

Tổ chức thực hiện đúng các quy định của pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm.

Tăng cường mối quan hệ giữa Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan cảnh sát điều tra

Nâng cao năng lực của cán bộ

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Các quan điểm khoa học pháp lý hình sự, các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, thực tiễn trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm ở địa bàn Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

Luận văn được nghiên cứu dưới góc độ khoa học luật hình sự và tố tụng hình sự, các số liệu phục vụ nghiên cứu đề tài được tác giả luận văn thu thập thống kê trên địa bàn Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2015 và một phần của năm 2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu:

Đề tài này được nghiên cứu trên dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin với phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước ta

về đấu tranh phòng chống tội phạm, về chiến lược cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay của nước ta.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Thống kê tội phạm, tổng kết kinh nghiệm, phân tích, diễn giải, tổng hợp, so sánh, đánh giá để giải quyết những vấn đề khoa học đặt ra từ nội dung yêu cầu của đề tài.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận của luận văn:

Với kết quả đạt được của luận văn có thể góp vào lý luận về việc trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm dưới góc độ pháp lý tố tụng hình sự và đưa ra cơ sở của hoạt động hoàn thiện pháp luật về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn:

Luận văn có thể làm tài liệu tham khảo đối với những người làm công tác thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật tố tụng hình sự về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Luận văn cũng có thể dùng làm tài liệu cho những người làm công tác pháp luật, cho việc học tập, giảng dạy môn Luật tố tụng hình sự và làm tài liệu trong hoạt động lập pháp, hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm.

7. Cơ cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận văn có 03 chương; danh mục tài liệu tham khảo.

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm

Chương 2: Thực tiễn trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Chương 3: Biện pháp bảo đảm trả hồ sơ để điều tra bổ sung đúng trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM

1.1. Những vấn đề lý luận về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm

1.1.1. Khái niệm hồ sơ vụ án hình sự

Để hiểu rõ chế định trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung [37, Điều 121, Điều 179] thì trước tiên cần nhận biết được khái niệm hồ sơ vụ án hình sự. Cho đến nay thì vẫn chưa có khái niệm cụ thể về khái niệm hồ sơ vụ án hình sự. Tuy nhiên dựa trên cơ sở tố tụng hình sự thì hồ sơ vụ án hình sự được lập theo đúng thủ tục tố tụng hình sự, nội dung của hồ sơ vụ án chính là nội dung các văn bản, các tài liệu được tập hợp trong hồ sơ. Mỗi tài liệu sẽ phản ánh một hoặc nhiều vấn đề trong vụ án. Và các tài liệu này có quan hệ mật thiết với nhau để phản ánh nội dung vụ án. Khi đã được đưa vào hồ sơ vụ án thì các văn bản tài liệu sẽ là căn cứ pháp lý để cơ quan có thẩm quyền áp dụng giải quyết vụ án.

Các văn bản tài liệu thu thập được của hồ sơ vụ án hình sự được hình thành từ thời điểm có quyết định khởi tố vụ án hình sự được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn [37, Điều 104]. Khi tiếp nhận thông tin về tội phạm, hoặc phát hiện hành vi có dấu hiệu của tội phạm, cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, xác minh và ra quyết định khởi tố vụ án hình sự nếu xác định có dấu hiệu cấu thành tội phạm. Sau đó tiến hành các hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ để chứng minh tội phạm và người phạm tội. Nếu có đủ chứng cứ để xác định có hành vi phạm tội xảy ra và người đã thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan có thẩm quyền điều tra ra bản kết luận điều tra, hoàn thành hồ sơ vụ án chuyển sang cho Viện kiểm sát đề nghị truy tố. Nếu xét

thấy việc khởi tố vụ án không có căn cứ hoặc hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền điều tra ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra. Nếu bị can bị bệnh tâm thần hoặc bị bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y hoặc không xác định được bị can, hay không biết bị can đang ở đâu thì cơ quan có thẩm quyền điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra.

Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sẽ thấy rõ các hoạt động của cơ quan điều tra đã tiến hành như việc ban hành các quyết định như: Quyết định khởi tố vụ án, quyết định tạm đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ điều tra, lệnh truy nã....; xác minh lý lịch bị can; bản kết luận điều tra. Và cũng chỉ có cơ quan có thẩm quyền điều tra mới xác định việc khởi tố vụ án hình sự, xác định người bị khởi tố và người được hỏi cung thể hiện trong hồ sơ là người được nhận bản kết luận điều tra. Khi hoàn tất hồ sơ thì cơ quan điều tra giao hồ sơ và đề nghị Viện kiểm sát truy tố. Tùy từng trường hợp mà Viện kiểm sát phải ra một trong các quyết định như đình chỉ vụ án, trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc ra bản cáo trạng truy tố bị can ra trước Tòa án. Tất cả các quyết định này đều dựa trên cơ sở là những gì mà cơ quan điều tra đã thu thập được trong hồ sơ vụ án ở giai đoạn điều tra trước đó. Khi chuyển hồ sơ quan Tòa án để xét xử thì mọi thủ tục tố tụng cũng chỉ căn cứ vào hồ sơ vụ án. Tòa án nghiên cứu hồ sơ và có thể ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án hình sự hoặc ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa xét xử vụ án. Để đảm bảo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa theo Điều 3 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015), đảm bảo cho việc áp dụng pháp luật chính xác, không tạo kẽ hở cho người phạm tội có cơ hội lợi dụng thì khi thiết lập hồ sơ vụ án hình sự, xác minh lý lịch bị can, cơ quan điều tra cần phải đánh ảnh vào lý lịch, lập danh chỉ bản của bị can để khi chuyển hồ sơ qua cơ quan

Viện kiểm sát, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng còn có căn cứ để nhận diện đúng người được đưa ra xét xử và có tên trong hồ sơ cùng là một, nhằm tránh nhầm lẫn oan sai.

Hồ sơ vụ án là nguồn cơ bản cung cấp những thông tin, diễn biến của vụ án. Dựa vào hồ sơ vụ án, Tòa án kịp thời phát hiện ra những thiếu sót trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát để yêu cầu điều tra bổ sung. Nếu hồ sơ đã thu thập đầy đủ chứng cứ, tài liệu sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết vụ án. Đây là cơ sở để Tòa án ra bản án công minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Như vậy, hồ sơ vụ án hình sự là tập hợp các hệ thống các văn bản, tài liệu, chứng cứ được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và được sắp xếp theo một trình tự nhất định phục vụ cho việc giải quyết vụ án và lưu trữ.

1.1.2. Khái niệm điều tra bổ sung

Điều tra là hoạt động tìm tòi xét hỏi người, việc [62, tr.204] để tìm cho ra sự thật. Khái niệm về điều tra mang tính pháp lý là [Điều tra là giai đoạn tố tụng hình sự, trong đó cơ quan có thẩm quyền áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội làm cơ sở cho việc xét xử của Tòa án]. Hoạt động điều tra là cần thiết đối với các vụ án hình sự. Tòa án chỉ có thể xét xử vụ án trên cơ sở vụ án đã được điều tra, lập hồ sơ và có quyết định truy tố bằng bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Thiếu hoạt động điều tra, không có hồ sơ vụ án thì Tòa án không có cơ sở để xét xử. Bản chất của hoạt động điều tra là hoạt động phát hiện, thu thập, củng cố, ghi nhận, thu giữ những thông tin của vụ án.

Có quan điểm cho rằng điều tra là hoạt động của cơ quan điều tra trong vụ án hình sự. Điều tra là tổng hợp tất cả các hành vi thực hiện trong giai

đoạn điều tra và [37, Chương IX] do một cơ quan điều tra thực hiện. Ví dụ: Điều tra là một giai đoạn của quá trình TTHS, trong đó cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp do Luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, Viện kiểm sát kiểm sát hoạt động điều tra, quyết định truy tố bị can làm cơ sở cho việc xét xử của Tòa án; hoặc điều tra vụ án hình sự là một giai đoạn TTHS, trong giai đoạn này cơ quan điều tra áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người phạm tội. Cách hiểu này thể hiện ranh giới không rõ ràng giữa chức năng của cơ quan điều tra với hoạt động điều tra mang tính cục bộ, phiến diện, bó hẹp phạm vi hoạt động điều tra chỉ được tiến hành trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Trên thực tế hoạt động điều tra được tiến hành trong tất cả các giai đoạn tố tụng hình sự, điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự với những mục đích khác nhau để xác định sự thật khách quan của vụ án. Quan điểm này chỉ thừa nhận cơ quan điều tra là một chủ thể duy nhất có thẩm quyền được phép thực hiện các hoạt động điều tra.

Thực tế thì điều tra là hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra và những cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm xác định tội phạm và người có hành vi phạm tội, lập hồ sơ đề nghị truy tố, tìm ra nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa. Quan điểm này nhìn nhận điều tra dưới góc độ là hoạt động tố tụng hình sự, trong đó chủ thể có thẩm quyền thực hiện hoạt động điều tra là cơ quan điều tra và những cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Tuy nhiên khái niệm này mang tính chi tiết và cụ thể không có tính khái quát cao.

Điều tra là giai đoạn tố tụng hình sự, trong đó cơ quan có thẩm quyền áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật TTHS quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Điểm

khác biệt lớn nhất của quan điểm này là đã nhìn nhận chủ thể của hoạt động điều tra rộng hơn. Quan điểm này nhìn nhận hoạt động điều tra dưới góc độ là một giai đoạn tổ tụng độc lập trong các giai đoạn tổ tụng hình sự, gồm: điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Quan điểm này đã đồng nhất giai đoạn điều tra với hoạt động điều tra, coi hoạt động điều tra gồm mọi hoạt động trong giai đoạn điều tra. Trên thực tế hoạt động điều tra được tiến hành trong tất cả các giai đoạn tổ tụng hình sự, điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự với những mục đích khác nhau để xác định sự thật khách quan của vụ án.

Cho đến nay ở Việt Nam chưa có một khái niệm pháp lý về hoạt động điều tra và cũng chưa được giải thích chính thức bởi các cơ quan có thẩm quyền. Trong Bộ luật TTHS chưa có điều luật nào giải thích hoặc định nghĩa về hoạt động điều tra.

Hoạt động điều tra mang bản chất của hoạt động nhận thức. Nhận thức thông qua một quá trình từ trực quan sinh động (cảm giác, tri giác và biểu tượng) đến tư duy trừu tượng (khái niệm, phán đoán và suy lý) dựa vào hệ thống phương pháp nhận thức lý thuyết (trừu tượng hóa và khái quát; giả định – suy diễn; tiên đề - kết luận; thuật toán; hệ thống - cấu trúc; hình thức hóa và mô hình hóa) và phương pháp thực nghiệm (thí nghiệm, quan sát, đo đạc). Kết quả nhận thức đạt tới chân lý khách quan. Trong tổ tụng hình sự, chân lý khách quan cần khám phá là sự thật khách quan của vụ án đã xảy ra.

Trước hết tội phạm được phản ánh vào môi trường xung quanh thông qua các dấu vết, hình ảnh của nó để lại trên các khách thể của vật chất, trong trí nhớ của những người tham gia tổ tụng. Dấu vết tội phạm là cơ sở thực tiễn khách quan cho hoạt động chứng minh tội phạm, cho phép các cơ quan tiến hành tổ tụng nghiên cứu, xem xét, tìm ra những quy luật hình thành chúng, để xây dựng nên bản đồ vụ án và từ đó kết luận về những sự kiện có liên quan đến chúng. Tuy nhiên, tự bản thân dấu vết tội phạm chưa phải là chứng cứ;

mà muốn là chứng cứ, các dấu vết đó phải được các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, thu thập và phản ánh nó trong hồ sơ vụ án theo đúng trình tự thủ tục luật định. Đây là quá trình hình thành chứng cứ.

Khách thể nhận thức trong hoạt động điều tra là các dấu vết tội phạm cho nên chủ thể cần phải biết bản chất của dấu vết. Dấu vết có thuộc tính chung nhưng cũng có những thuộc tính riêng. Đây là cơ sở, tiêu chí khách quan để phân loại dấu vết. Thuộc tính quan trọng nhất của dấu vết là bản chất tín hiệu chuyển tải thông tin của nó. Ví dụ; có những dấu vết mà thông tin của nó được thể hiện, chuyển tải ra ngoài thông qua những dấu hiệu vật lý của khách thể vật chất (như hình thức, dung lượng, màu sắc, nhiệt độ và mùi vị); có loại dấu vết mà thông tin của nó không cảm nhận trực tiếp được, chẳng hạn như khi xem xét tài liệu giả, Điều tra viên – Kiểm sát viên hoặc Thẩm phán không thể bằng mắt thường phát hiện được các dấu hiệu giả mạo của nó, hoặc trên những công cụ phạm tội để lại hiện trường chúng ta không thể dễ dàng nhìn thấy dấu vết vi mô. Trong những trường hợp này đòi hỏi phải có những phương pháp nhận thức chuyên môn. Hay nói cách khác, phương pháp nhận thức phải phù hợp với từng loại dấu vết. Mục đích của hoạt động điều tra là thu nhận được những dạng và nội dung thông tin nhất định từ khách thể - dấu vết tội phạm. Tùy thuộc và những mục đích khác nhau và những phương pháp tương ứng, hoạt động điều tra cho phép thu nhận được những thông tin khác nhau về nội dung và hình thức từ chính dấu vết đó.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy hoạt động điều tra là phương thức hoạt động của chủ thể nhằm cảm thụ, tiếp nhận và phản ánh thông tin chứa đựng các dấu vết tội phạm.

Theo từ điển tiếng Việt “bổ sung” có nghĩa là thêm vào cho đầy đủ [27, tr. 69]. Nội dung hồ sơ đồng nghĩa với nội dung vụ án được xét xử. Để đảm bảo cho việc truy tố và xét xử đúng đắn, các chứng cứ trong hồ sơ vụ án phải

đầy đủ và đảm bảo đúng thủ tục tố tụng. Nếu hồ sơ còn thiếu những chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội, vi phạm tố tụng nghiêm trọng thì Viện kiểm sát hoặc Tòa án sẽ yêu cầu điều tra bổ sung.

Theo Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam của Trường Đại học Cảnh sát nhân dân thì “điều tra bổ sung là hoạt động điều tra thêm về vụ án hình sự của cơ quan Điều tra theo yêu cầu của Viện kiểm sát hay Tòa án nhằm phát hiện, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án được đúng đắn khách quan” như vậy trả hồ sơ để điều tra bổ sung là việc của Tòa án chuyển trả hồ sơ cho Viện kiểm sát hoặc Viện kiểm sát chuyển trả hồ sơ cho cơ quan điều tra để điều tra bổ sung.

Theo từ điển Bách khoa Công an nhân dân Việt Nam thì điều tra bổ sung trong tố tụng hình sự được hiểu là: “hoạt động điều tra thêm về vụ án hình sự sau khi kết thúc điều tra và thực hiện trong trường hợp Viện kiểm sát hoặc Tòa án, sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án mà phát hiện thấy còn thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án, hoặc có căn cứ cho rằng bị cáo phạm một tội khác hay có người đồng phạm khác, hoặc khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng”.

Từ đó có thể hiểu việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung là quá trình khắc phục những vi phạm về thủ tục tố tụng nếu có, làm rõ, bổ sung thêm những chứng cứ còn yếu, còn thiếu, chưa toàn diện chứ không phải là quá trình điều tra lại. Do đó, điều tra bổ sung khác với điều tra lại. Điều tra lại là hoạt động điều tra theo trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự, do cơ quan điều tra tiến hành đối với các vụ án đã được xét xử nhưng do Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm hủy bản án chưa có hiệu lực pháp luật hoặc bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại theo thủ tục chung. Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại khi nhận thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không

thể bổ sung được. Hội đồng giám đốc thẩm hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại khi nhận thấy có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra hoặc có những vi phạm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật hình sự. Khác với điều tra lại, hậu quả pháp lý của điều tra bổ sung là cơ quan bị trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải tiếp tục nhận lại hồ sơ vụ án và xem xét thực hiện yêu cầu điều tra bổ sung của cơ quan đã ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung.

Như vậy từ viện dẫn nêu trên và quy định tại Điều 176, Điều 179, Điều 199 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và mới đây là quy định tại Điều 85, Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chúng tôi cho rằng trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm là hoạt động tố tụng hình sự được thực hiện sau khi kết thúc điều tra, đã có bản cáo trạng do Viện kiểm sát hoặc Tòa án tiến hành dựa trên các căn cứ được Bộ luật tố tụng hình sự quy định nhằm đảm bảo cho việc giải quyết vụ án chính xác, khách quan, toàn diện, đầy đủ, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

1.1.3. Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Để giải quyết vụ án hình sự phải trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Mỗi giai đoạn phản ánh một hướng nhất định của hoạt động tố tụng, các giai đoạn tuy độc lập nhưng nằm trong mối quan hệ khăng khít với nhau và tạo thành một chuỗi thống nhất. Mỗi giai đoạn tố tụng hình sự có những nhiệm vụ riêng và mang đặc thù về phạm vi chủ thể, hành vi tố tụng, văn bản tố tụng. Căn cứ vào các quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 chia tố tụng hình sự thành bảy giai đoạn đó là: Khởi tố vụ án hình sự, điều tra vụ án hình sự, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự, thi hành án và thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được coi là giai đoạn trọng tâm của quá trình tố tụng vì “không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”. Như vậy, để xác định một người có tội và phải chịu hình phạt hay không đòi hỏi phải đưa họ ra xét xử tại phiên tòa, trước hết là ở phiên tòa hình sự sơ thẩm.

Theo giáo trình Luật tố tụng hình sự năm 2013: “Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là giai đoạn của tố tụng hình sự trong đó Tòa án có thẩm quyền tiến hành xem xét giải quyết vụ án, ra bản án, quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật” [47, tr. 345]. Hay theo tác giả Mai Thanh Hiếu và Nguyễn Chí Công thì “Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là giai đoạn tố tụng, trong đó Tòa án cấp xét xử thứ nhất tiến hành giải quyết vụ án, ra bản án, quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật” [18, tr. 103]. Bên cạnh đó, các tác giả của cuốn “Sổ tay thẩm phán” cũng nhìn nhận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là một giai đoạn tố tụng hình sự, và trong đó bao gồm ba công đoạn chính, đó là nhận hồ sơ vụ án và thụ lý vụ án hình sự, chuẩn bị xét xử sơ thẩm, phiên tòa sơ thẩm. Mỗi công đoạn lại bao gồm những công việc và kỹ năng mà người tiến hành tố tụng cần phải thực hiện. Nhìn chung, chúng tôi đồng tình với nhìn nhận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự dưới góc độ là một giai đoạn tố tụng hình sự và có thể nói việc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đóng vai trò quan trọng trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án hình sự.

Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được tiến hành ngay sau khi Tòa án nhận được cáo trạng, quyết định truy tố bị can và hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến. Tất cả những thông tin, tài liệu, đồ vật thu thập được trong giai đoạn điều tra, truy tố đều được đưa ra xem xét công khai tại phiên tòa thông qua việc xét hỏi và tranh luận. Trên cơ sở những chứng cứ được kiểm tra công khai, Tòa án ra bản án xác định bị cáo có tội hay không có tội. Nếu bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì đó là tội gì, được quy định tại Điều

khoản nào của Bộ luật Hình sự. Ngoài việc ra bản án, Tòa án còn có quyền ra các quyết định cần thiết khác nhằm giải quyết vụ án.

Nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử, bản án và quyết định hình sự sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật. Bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn luật định thì có hiệu lực pháp luật nhưng nếu bị kháng cáo, kháng nghị thì phải được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Như vậy, có thể nói xét xử sơ thẩm là xét xử ở cấp đầu tiên do Tòa án có thẩm quyền tiến hành theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp xét xử sơ thẩm đều là xét xử lần đầu. Trường hợp Tòa án có thẩm quyền xem xét ra quyết định hủy bản án để điều tra lại hoặc xét xử sơ thẩm lại theo quy định tại Điều 250 BLHS 2003 “Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại”; Điều 287 BLHS 2003 “Hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại” và Điều 300 BLHS 2003 “Điều tra lại hoặc xét xử lại vụ án” thì việc xét xử sơ thẩm lại không phải là xét xử lần thứ nhất.

Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hoạt động Nhà nước do Tòa án thực hiện nhằm xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ tài liệu của vụ án hình sự trên cơ sở đó ra bản án, quyết định xác định có hành vi phạm tội hay không, người thực hiện hành vi phạm tội, hình phạt được áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội và giải quyết các vấn đề khác trong vụ án hình sự.

Theo quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự thì Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự khu vực, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp quân khu.

Các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự là những phương châm, những định hướng chi phối tất cả hoặc một số hoạt động tố tụng hình sự được các văn bản pháp luật ghi nhận. Quá trình giải quyết vụ án được tiến hành thông qua các giai đoạn khác nhau, nhưng các giai đoạn đều có chung mục

đích là tìm ra sự thật của vụ án, do vậy xác định sự thật của vụ án không chỉ là nguyên tắc quan trọng của Bộ luật tố tụng hình sự mà còn là nguyên tắc vô cùng quan trọng đối với bất kỳ luật hình thức nào. Tuy không được xác định là một nguyên tắc mang tính đặc thù của Bộ luật tố tụng hình sự nhưng nguyên tắc này đóng một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo việc xử lý vụ án được công minh, không để lọt tội phạm đồng thời không làm oan người vô tội. Xác định sự thật của vụ án chính là việc cơ quan tiến hành tố tụng phải làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ.

Nguyên tắc xác định sự thật khách quan của vụ án được quy định tại Điều 10 Bộ luật TTHS năm 2003 như sau: “Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo.

Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội”.

Điều 15 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định “Xác định sự thật của vụ án” một cách khách quan và tiến bộ hơn Bộ luật hình sự năm 2003 như sau: “Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có

tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội”.

Trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án. Các biện pháp hợp pháp đó là các biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định, bao gồm các biện pháp ngăn chặn, các biện pháp điều tra thu thập chứng cứ và các biện pháp khác do pháp luật quy định. Nguyên tắc này đã loại trừ những trường hợp người tiến hành tố tụng lại sử dụng các biện pháp có khả năng xâm hại nghiêm trọng tới các quyền cơ bản của công dân để làm rõ sự thật của vụ án. Bộ luật TTHS năm 2015 quy định trong quá trình tiến hành tố tụng cơ quan có thẩm quyền tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án, như vậy Bộ luật TTHS năm 2015 không có giới hạn về chủ thể phải thực hiện nguyên tắc xác định sự thật của vụ án. Đây là tiến bộ của Bộ luật TTHS năm 2015 so với Bộ luật TTHS năm 2003.

Để xác định sự thật của vụ án, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải chứng minh một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ các vấn đề. Khách quan chính là việc xem xét vấn đề đúng với sự tồn tại của nó mà không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người. Do vậy, việc người tiến hành tố tụng suy diễn duy ý chí trong quá trình xác định là vi phạm nghiêm trọng tính khách quan của nguyên tắc này. Việc xác định sự thật của vụ án nhất thiết phải coi trọng yếu tố toàn diện, không thể đánh giá vấn đề theo một phương diện nào đó. Muốn vậy, cần phải thu thập các thông tin, chứng cứ hay tiến hành các hoạt động khác một cách đầy đủ. Nếu như hoạt động chứng minh của những người tiến hành tố tụng đáp ứng được cả ba yếu tố trên thì mới có thể thực hiện một cách tốt nhất nguyên tắc xác định sự thật khách quan. Chính vì thế, nguyên tắc này muốn thực hiện tốt thì đòi hỏi những người tiến hành tố

tụng phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tức là được đào tạo về nghiệp vụ và làm chủ được nghề nghiệp, nắm được những quy định của pháp luật, có tư duy pháp lý.

Nội dung của việc xác định sự thật khách quan chính là trả lời các câu hỏi như: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không; thời gian, địa điểm và các tình tiết khác của hành vi phạm tội; ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích hoặc động cơ phạm tội; những tình tiết tăng nặng, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội và những đặc điểm nhân thân của người bị buộc tội; tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra...

Các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm chứng minh tội phạm, xác định sự thật vụ án. Bởi vì các cơ quan tiến hành tố tụng được Nhà nước thành lập và giao quyền áp dụng các biện pháp do Bộ luật TTHS quy định mới có điều kiện để xác định sự thật khách quan của vụ án. Mặt khác, để buộc một người phải chịu trách nhiệm hình sự, Nhà nước thông qua các cơ quan chuyên trách của mình phải có trách nhiệm đưa ra chứng cứ chứng minh họ đã thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm đến lợi ích chung. Do đó, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng.

Quá trình chứng minh vụ án hình sự là quá trình thực hiện công việc của người tiến hành tố tụng đối với những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự, quá trình này được hiểu là tất cả các hoạt động của người tiến hành tố tụng để hướng tới việc thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ.

Toàn bộ quá trình chứng minh là quá trình nghiên cứu, nhận thức trong hoạt động tố tụng hình sự đều nhằm tiến hành thu thập chứng cứ

theo một trật tự tố tụng nhất định, đối với những hình thức nhất định nhằm mục đích tìm hiểu chân lý về vụ án, khắc phục được nhận thức và kết luận sai lầm hoặc thiếu căn cứ.

Quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự là tổng thể những hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, và các chủ thể tham gia tố tụng được thực hiện theo một trật tự nhất định theo các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, dựa trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ và những tình tiết khác liên quan đến vụ án, để khẳng định có hay không có một tội phạm xảy ra, tính có lỗi hay không có lỗi của một người nào đó, đồng thời xác định những tình tiết có liên quan đến trách nhiệm hình sự của người thực hiện tội phạm. Chính từ quá trình đó mà chất lượng, giá trị chứng minh của các thông tin được khẳng định và bức tranh về sự kiện phạm tội dần được tái hiện như nó vốn có, các cơ sở giải quyết vụ án được hình thành, củng cố. Tổng hợp các hành vi đó tạo thành nội dung của quá trình chứng minh vụ án hình sự.

Như vậy: Quá trình chứng minh vụ án hình sự là quá trình nhận thức, được hình thành bởi các hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ do các chủ thể tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.

Quá trình xác định sự thật là một quá trình vô cùng phức tạp, khi giữa các giai đoạn đều có sự liên quan mật thiết với nhau. Khi có đủ căn cứ khẳng định có dấu hiệu của tội phạm thì mới có thể khởi tố vụ án hình sự, và đó chính là căn cứ để tiến hành các hoạt động điều tra.

1.2. Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm

1.2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự trước khi ban hành luật tố tụng hình sự năm 2003 về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Trước năm 2003, quá trình xây dựng pháp luật tố tụng hình sự ở nước ta đã trải qua một thời gian dài chỉ ban hành và thực hiện các văn bản dưới Luật hoặc Luật tổ chức cơ quan tư pháp nhưng có các điều luật mang tính chất tố tụng hình sự như Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

Chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung nói riêng và pháp luật tố tụng hình sự nói chung trong giai đoạn 1945 – 1954 có nền tảng là mối quan hệ giữa Tòa án, Công tố viện và cơ quan Điều tra theo quy định của Sắc lệnh ngày 13 ngày 24/01/1946. Trong giai đoạn này cơ quan tư pháp các cơ quan tư pháp theo quy định tại Điều 63 Hiến pháp 1946 bao gồm: Tòa án Tối cao, các Tòa phúc thẩm, các Tòa sơ thẩm, các Tòa sơ cấp và Nhị cấp. Vào thời điểm đó, khái niệm về cơ quan tư pháp chỉ giới hạn trong quy định về hệ thống Tòa án.

Tòa án sơ cấp là Tòa án cấp thấp nhất trong hệ thống Tòa án, được tổ chức ở cấp huyện (giống Tòa án cấp quận, huyện bây giờ). Tòa án Đệ nhị cấp được tổ chức ở các tỉnh và thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn – Chợ Lớn. Tòa Thượng thẩm (Tòa Phúc thẩm – Tòa cấp cao hiện nay) gồm có 03 Tòa và đặt ở 03 kỳ tại Hà Nội, Huế và Sài Gòn.

Công tố viện (hiện nay gọi là Viện kiểm sát), lúc đó nằm trong hệ thống Tòa án, nhưng tại Tòa án sơ cấp không tổ chức công tố riêng. Ở Tòa Thượng thẩm có Chương lý, các Phó Chương lý và các Tham lý. Tất cả mọi hoạt động của Công tố viện thuộc thẩm quyền điều khiển và kiểm soát của Chương lý trong Quản hạt. Ở Tòa Đệ nhị cấp, Biện lý chỉ đạo mọi hoạt động công tố, chỉ đạo giám sát hoạt động của tư pháp cảnh sát (Theo quy định tại Điều 15, 49, 51, 52 Sắc lệnh 13; Điều 21, 22 Sắc lệnh 51; Điều 3 Sắc lệnh 131 ngày 20/7/1946 về Tổ chức tư pháp Công an).

Về mặt cơ cấu tổ chức, Viện công tố nằm trong Tòa án nhưng hoạt động hoàn toàn độc lập. Thẩm phán buộc tội (hiện nay là Kiểm sát viên) thuộc Công tố viện.

Hoạt động điều tra vào thời kỳ 1945 – 1954 do nhiều cơ quan thực hiện mà trực tiếp là Tổ chức tư pháp Công an được quy định trong Sắc lệnh 1331 ngày 20/7/1946. Điều 2 Sắc lệnh quy định: “Tư pháp Công an có nhiệm vụ truy tìm tất cả các người phạm pháp (đại hình, tiểu hình hoặc vi cảnh), sưu tầm các tang chứng, bắt giao người phạm pháp cho Tòa án xét xử trong phạm vi pháp luật ấn định”. Tuy nhiên tổ chức tư pháp Công an lúc đó không nằm trong tổ chức Việt Nam Công án vụ. Tư pháp Công an gồm có phụ trách tư pháp Công an và những Ủy viên phụ trách tư pháp Công an. Phụ trách tư pháp Công an là Dự thẩm (chính là Thẩm phán Tòa án đệ nhị cấp, Biện lý và Phó Biện lý, Ủy viên Tư pháp công an là Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án); Chủ sự, Phó Chủ sự Phòng chính trị và Phòng tư pháp, Trưởng Công an tỉnh và một số chức danh khác bên Công an; Kiểm soát viên, Kiểm lâm, Hỏa xa thương chính và một số viên chức khác mà pháp luật giao cho nhiệm vụ tư pháp Công an. Tất cả các phụ trách tư pháp Công an và những Ủy viên tư pháp Công an về phương diện tư pháp đều đặt dưới quyền kiểm sát trực tiếp của Chương lý Tòa Thượng thẩm (các Điều 3, 5 Sắc lệnh 131).

Chế định trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn 1945 – 1950 đã được nêu trong Điều 21 và Điều 23 Sắc lệnh 51 ngày 17/4/1946: “Sau khi phân loại nếu thuộc án đại hình hoặc nếu là tiểu hình nhưng thuộc các trường hợp cần phải giao lại cho Dự thẩm điều tra thêm, Biện lý phải giao lại hồ sơ cho Dự thẩm điều tra, đối với trường hợp khác Biện lý có quyền đưa ngay người phạm tội ra một phiên tòa tiểu hình gần nhất nếu xét thấy tài liệu đã đủ truy tố”. Dự thẩm là thành viên của Tòa đệ nhị cấp và là một trong hai người có quyền phụ trách tư pháp Công an (Điều 20 Sắc lệnh 51, Điều 3 Sắc lệnh

131). Dự thẩm có nhiệm vụ thẩm cứu, điều tra các vụ việc hình sự, tiểu hình hay đại hình (thường là đại hình do công tố chuyển sang) theo khởi tố trạng của Biện lý hoặc theo một đơn kiện của người dân. Chức danh dự thẩm chỉ có ở Tòa đệ nhị cấp. Riêng ở Tòa sơ cấp vai trò của Dự thẩm do Thẩm phán phụ trách Tư pháp Cảnh sát đảm nhiệm. Vai trò chính của Dự thẩm là điều tra, khi cần thiết có sự hỗ trợ của cảnh sát. Điều 23 Sắc lệnh 51 quy định trong quá trình điều tra, Biện lý và bị cáo hay bị hại có quyền yêu cầu Dự thẩm phải làm tất cả mọi biện pháp để chứng tỏ sự thật. Các quy định về tố tụng hình sự trong giai đoạn 1945 – 1954 không nêu rõ các trường hợp cần trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Về thẩm quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung thời ấy chỉ giao cho Biện lý (Chức năng giống như Viện trưởng Viện kiểm sát bây giờ); không quy định Thẩm phán xử án trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Mặt khác trong cơ quan Tòa án cũng có chức danh thực hiện hoạt động điều tra bổ sung là Dự thẩm.

Trong giai đoạn 1954 – 1975, tổ chức Tòa án và Viện kiểm sát đã hình thành theo mô hình cơ bản và được duy trì từ đó đến nay. Việc thực hiện chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung đã được quy định nhưng chưa đầy đủ. Chỉ quy định đối với trường hợp Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung, việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung chậm được quy định và quy định rất đơn giản. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ban hành ngày 15/7/1960 quy định tại Điều 15: “Khi kiểm sát việc điều tra Viện kiểm sát nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan Công an hoặc cơ quan Điều tra phải cung cấp những tài liệu cần thiết để chứng minh tội trạng của can phạm, nếu thấy chứng cứ chưa rõ ràng thì phải trả lại hồ sơ để cơ quan Công an hoặc cơ quan Điều tra khác tiến hành điều tra thêm”. Thông tư 427 – TTLB ngày 28/6/1963 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Công an quy định “Viện kiểm sát hoàn lại hồ sơ để cơ quan điều tra bổ sung nếu thấy hồ sơ thiếu những chứng cứ chủ yếu, nhưng

cần nêu yêu cầu cụ thể. Trường hợp thấy thiếu sót thì đề ra yêu cầu bổ sung những tài liệu cần thiết. Nếu thấy bản cáo trạng cần thay đổi về căn bản thì Viện kiểm sẽ hoàn lại hồ sơ để cơ quan Công an thẩm tra và làm lại bản cáo trạng. Trong trường hợp chỉ cần sửa lại bản cáo trạng về chi tiết mà việc sửa chữa đó không làm thay đổi tính chất và nội dung vụ án thì về căn bản Viện kiểm sát có thể góp ý kiến để cơ quan Công an sửa chữa lại bản cáo trạng hoặc tự mình làm bản cáo trạng khác” (Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự vào thời điểm ban hành Thông tư này thì bản cáo trạng do cơ quan Công an lập). Cũng theo Thông tư 427-TTLB thì “Trường hợp Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung và nếu Viện kiểm sát thấy yêu cầu đó là hợp lý thì sẽ chuyển cơ quan Công an điều tra bổ sung”.

Theo Thông tư số 16/TATC ngày 27/9/1974 Tòa án cần hợp trụ bị với Viện kiểm sát nhân dân trong trường hợp quá trình điều tra có sự vi phạm pháp luật nghiêm trọng về thủ tục tố tụng (như truy cung, mớm cung...) làm cho việc điều tra không chính xác; Tòa án nhân dân có ý kiến khác với bản cáo trạng về vấn đề cấu thành tội phạm; năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo, số người bị đưa ra xét xử; tội danh và điều luật được áp dụng. Nếu sau khi trao đổi ý kiến mà Viện kiểm sát nhân dân nhất trí với Tòa án nhân dân về việc phải điều tra bổ sung thì Tòa án nhân dân trả lại hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân để điều tra bổ sung. Trong trường hợp ấy Tòa án phải làm một quyết định về yêu cầu điều tra bổ sung, trong đó cần ghi rõ những điều cần được điều tra thêm.

Trong giai đoạn 1975 – 1976, giai đoạn hoàn thành cách mạng dân tộc tiến đến thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, pháp luật tố tụng hình sự nước ta ở miền Bắc không có gì thay đổi so với giai đoạn 1954 – 1975. Các văn bản pháp luật tố tụng hình sự do Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền nam Việt Nam ban hành đã đáp ứng kịp thời yêu cầu đấu tranh phòng chống

tội phạm, song vẫn còn nhiều hạn chế. Nghiên cứu về nội dung pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn này, cụ thể là Sắc luật 01/SL-76 ngày 15/3/1976 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền nam Việt Nam quy định tổ chức Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân; Sắc luật 02/SL-76 ngày 15/3/1976 quy định việc bắt giam người khám nhà ở, khám đồ vật,... chúng ta không tìm thấy quy định về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Năm 1976, sau khi thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, hệ thống cơ quan tư pháp mới được hình thành ở miền Nam nước ta. Giai đoạn từ năm 1976 trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1988 chúng ta tiếp tục thực hiện các văn bản tố tụng hình sự đã ban hành trước năm 1975, việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung vẫn chưa được các nhà lập pháp quy định cụ thể.

Chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung được nêu một cách rõ ràng lần đầu tiên trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988, ở Điều 154 quy định về việc Thẩm phán ra quyết định để điều tra bổ sung: “Thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung trong những trường hợp sau đây:

- a) Khi cần xem xét thêm chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được;
- b) Khi có căn cứ cho rằng bị cáo phạm tội khác hoặc có đồng phạm khác;
- c) Khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Nếu kết quả điều tra bổ sung dẫn đến đình chỉ vụ án thì Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án và báo cho Tòa án biết.

Trong trường hợp Viện kiểm sát không bổ sung được những vấn đề mà Tòa án yêu cầu bổ sung và vẫn truy tố thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử”.

Đến khi ban hành Bộ luật TTHS năm 1988 được sửa đổi bổ sung ngày 30/6/1990, thì việc Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung mới được quy

định cụ thể hóa tại Điều 142 Bộ luật TTHS năm 1988 quy định một trong những quyết định của Viện kiểm sát sau khi kết thúc điều tra là trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung, nhưng không quy định cụ thể căn cứ để ra quyết định này. Vì vậy, Luật sửa đổi bổ sung Bộ luật TTHS ngày 22/12/1992 đã bổ sung Điều 143a [Trả hồ sơ để điều tra bổ sung]:

Viện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ cho cơ quan điều tra để điều tra bổ sung sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án phát hiện thấy:

- a) Còn thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà Viện kiểm sát không thể tự mình bổ sung được;
- b) Khi có căn cứ để khởi tố bị can về một tội khác hoặc có đồng phạm khác;
- c) Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Những vấn đề cần được điều tra bổ sung phải được nói rõ trong quyết định yêu cầu điều tra bổ sung].

Nghiên cứu các quy định của pháp luật tố tụng hình sự trước khi ban hành Bộ luật TTHS năm 2003 cho thấy chế định này đã xuất hiện ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công. Tuy nhiên, các quy định này còn chung chung; chưa rõ các căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung. Căn cứ chủ yếu duy nhất để trả hồ sơ điều tra bổ sung là thiếu chứng cứ; về sau các căn cứ khác (như có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; có tội phạm mới hay có người phạm tội mới) được bổ sung vào pháp luật tố tụng hình sự.

1.2.2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự kể từ khi ban hành luật tố tụng hình sự năm 2003 về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Công tác chuẩn bị xét xử sơ thẩm thực hiện chu đáo và đầy đủ sẽ hạn chế được việc kháng cáo, kháng nghị. Trả hồ sơ trong giai đoạn xét xử hình

sự sơ thẩm để điều tra bổ sung là một thủ tục cần thiết để đảm bảo cho việc xét xử tại phiên tòa được khách quan, toàn diện và chính xác.

Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung được quy định lần đầu tiên tại Điều 154 và khoản 2 Điều 173 Bộ luật TTHS năm 1988. So sánh quy định về việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Bộ luật TTHS năm 1988 với Bộ luật TTHS năm 2003 có thể thấy về cơ bản không có sự thay đổi gì về các căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Những sửa đổi, bổ sung về chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án trong Bộ luật TTHS năm 2003 chủ yếu mang tính kỹ thuật, thể hiện ở tên điều luật, một số từ để đảm bảo tính khoa học và chặt chẽ.

Chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung ngoài việc quy định tại Bộ luật TTHS năm 2003 còn được hướng dẫn thi hành bằng một số văn bản như Nghị quyết 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của Bộ luật TTHS năm 2003; Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC của Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Công an – Tòa án nhân dân tối cao ngày 27/8/2010 hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật TTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung;

Trong hệ thống khoa học pháp lý ở Việt Nam hiện nay, khái niệm trả hồ sơ để điều tra bổ sung chưa có khái niệm cụ thể. Nghiên cứu vấn đề trả hồ sơ để điều tra bổ sung, tác giả Nguyễn Đình Huệ cho rằng: “Quan nghiên cứu các Điều 121, 176, 179, 199 Bộ luật TTHS năm 2003, tôi nhận thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm có hai thời điểm trả hồ sơ để điều tra bổ sung khác nhau, đó là:

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung do Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa quyết định;

- Tại phiên tòa sơ thẩm, việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung do Hội đồng xét xử quyết định.” (21, tr.5)

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa nếu xét thấy có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 179 của Bộ luật TTHS năm 2003 thì ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát.

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm là hoạt động của Thẩm phán thực hiện, kiểm tra tính có căn cứ, tính hợp pháp của hoạt động buộc tội trước khi đưa vụ án ra xét xử. Khi thẩm phán trả hồ sơ điều tra bổ sung tức là khi Thẩm phán phát hiện quá trình điều tra chứng minh tội phạm của các chủ thể buộc tội thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật, chưa đầy đủ, thiếu căn cứ để thực hiện việc buộc tội trước Tòa án. Điều tra bổ sung, không phải là điều tra lại, điều tra mới, mà chỉ tiến hành bổ sung thêm những gì còn thiếu, chưa đầy đủ, hoàn thiện. Từ kết luận của Cơ quan điều tra, quyết định truy tố của Viện kiểm sát, Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa xem xét, phân tích những vấn đề cần thiết để điều tra bổ sung những tài liệu, chứng cứ, quy trình tố tụng còn thiếu hoặc có những vi phạm tố tụng nhằm hoàn thiện hồ sơ vụ án giúp quá trình xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 199 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về việc ra bản án và các quyết định của Tòa án có quy định khi xét xử Hội đồng xét xử sơ thẩm có quyền ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung. Tuy nhiên, tại Điều 179 Bộ luật TTHS năm 2003 quy định căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Thẩm phán ở giai đoạn chuẩn bị xét xử ; khoản 2 Điều 199 Bộ luật TTHS năm 2003 lại không quy định cụ thể các căn cứ Hội đồng xét xử sơ thẩm yêu cầu điều tra bổ sung. Song nghiên cứu tổng thể các quy định của Bộ luật TTHS và qua

thực tiễn áp dụng pháp luật có thể thấy Điều 179 Bộ luật TTHS năm 2003 cũng chính là căn cứ để Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm có những đặc điểm sau:

- Chủ thể trả hồ sơ để điều tra bổ sung là Thẩm phán hoặc Hội đồng xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Chủ thể tiếp nhận hồ sơ Tòa án trả để điều tra bổ sung là Viện kiểm sát ra quyết định truy tố.

- Căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ được trả hồ sơ cho Viện kiểm sát khi có các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 179 Bộ luật TTHS năm 2003 cụ thể:

“a) Khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được;

b) Khi có căn cứ để cho rằng bị phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác;

c) Khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng”.

Mới đây nhất Điều 280 Bộ luật TTHS năm 2015 đã mở rộng hơn về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung như sau:

“1. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Khi thiếu chứng cứ dùng để chứng minh một trong những vấn đề quy định tại Điều 85 của Bộ luật này mà không thể bổ sung tại phiên tòa được;

b) Có căn cứ cho rằng ngoài hành vi mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị can còn thực hiện hành vi khác mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm;

c) Có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác hoặc có người khác thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can;

d) Việc khởi tố, điều tra, truy tố vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

2. Trường hợp Viện kiểm sát phát hiện có căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì Viện kiểm sát có văn bản đề nghị Tòa án trả hồ sơ.”

Thời hạn Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung không quá một tháng. Quy định này khác với trường hợp Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Cơ quan điều tra, trường hợp vụ án do Viện kiểm sát trả lại để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra không quá hai tháng. Tòa án chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung không quá hai lần.

Qua những phân tích trên, chúng tôi đưa ra khái niệm trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm như sau: Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm là việc Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc tại phiên tòa quyết định trả lại hồ sơ hình sự cho Viện kiểm sát nơi ra quyết định truy tố để điều tra bổ sung nhằm khắc phục những thiếu sót trong quá trình điều tra, truy tố để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hình sự được khách quan, toàn diện và đúng các quy định của pháp luật.

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung là chế định quan trọng trong luật tố tụng, bởi lẽ, chế định này vừa thể hiện mối quan hệ chế ước và phối hợp giữa Tòa án và Viện kiểm sát trong quan hệ tố tụng. Thực hiện cơ chế giám sát gián tiếp trong hoạt động tư pháp, nhằm điều hòa và chế ước lẫn nhau giữa các cơ quan thực hiện quyền lực Nhà nước mà ở đó rất cần tránh sự lạm quyền. Về thực tiễn, việc trả hồ sơ của Tòa án nhằm khắc phục những sơ hở, thiếu sót không thể tránh khỏi trong quá trình điều tra, truy tố cả về mặt chứng cứ, cả về mặt tố tụng.

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm có ý nghĩa quan trọng trong việc chứng minh tội phạm, bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Qua việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đánh giá những nguyên nhân của những vấn đề đã làm được và những tồn tại. Một mặt, vừa kịp thời sửa chữa, khắc phục những tồn tại đó, mặt khác thu lượm tích lũy thêm những kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử.

Tóm lại, Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung là một chế định cần thiết và có một ý nghĩa quan trọng nhằm bảo đảm cho hoạt động điều tra tuân thủ theo các quy định của pháp luật, hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội có căn cứ và bảo đảm cho quá trình giải quyết vụ án hình sự đúng đắn, khách quan, toàn diện và đầy đủ, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Kết luận chương 1

Trong chương 1 của luận văn, tác giả đã làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự các nội dung chính là: đưa ra một số khái niệm; nguyên tắc xác định sự thật vụ án; mối quan hệ giữa Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân; khái niệm và đặc điểm Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Đối với nội dung thứ nhất, chúng tôi đã làm rõ được khái niệm về hồ sơ vụ án hình sự, điều tra bổ sung và xét xử sơ thẩm.

Nội dung thứ hai, chúng tôi đã phân tích nguyên tắc xác định sự thật vụ án được công minh, không để lọt tội phạm đồng thời không làm oan người vô tội.

Nội dung thứ ba, phân tích vị trí và chức năng của Tòa án và Viện kiểm sát, qua đó nêu lên mối quan hệ phối hợp và chế ước của Tòa án và Viện kiểm sát.

Nội dung thứ 4, đã làm rõ được khái niệm và đưa ra các đặc điểm về việc Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Việc làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có ý nghĩa hết sức quan trọng của nội dung luận văn, làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Chương 2

THỰC TIỄN TRẢ HỒ SƠ ĐỀ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM TẠI QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Khái quát về thực trạng xét xử hình sự sơ thẩm tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh được công bố thành lập ngày 01 tháng 4 năm 1997 theo Nghị định 03/CP, ngày 6 tháng 1 năm 1997 của Chính phủ trên cơ sở diện tích của một phần huyện Hóc Môn Thành phố Hồ Chí Minh trước đây. Tổng diện tích đất tự nhiên 5.274,89 ha, dân số hiện nay khoảng gần 500.000 người (theo điều tra dân số tháng 6/2009 là 395.790 người). Là quận ngoại thành đang trong quá trình đô thị hóa nên các vấn đề về kinh tế, văn hóa xã hội và tình hình an ninh trật tự chưa ổn định. Do số người nhập cư tăng nhanh nên số lượng vụ việc phạm pháp cũng biến đổi hàng năm. Các loại tội phạm phát sinh chủ yếu ở các nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; tội phạm về ma túy; xâm phạm trật tự, an toàn công cộng. Còn đối với các nhóm tội khác thì ít xảy ra.

Giai đoạn 2011 – 2015 tình hình kinh tế thế giới suy thoái đã tác động đến kinh tế cả nước nói chung và thành phố nói riêng trong đó có Quận 12. Qua 05 năm tính từ năm 2011 - 2015 tình hình kinh tế – văn hóa – xã hội quận đã đạt nhiều thành tựu có ý nghĩa quan trọng.

Với sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, quyết tâm của chính quyền và các cơ quan pháp luật đã tăng cường phòng chống, tấn công, trấn áp tội phạm. Tuy nhiên do quá trình kinh tế có bước phát triển nên các vụ việc vi phạm pháp luật cũng diễn biến phức tạp. Số vụ án do Viện kiểm sát nhân dân Quận

12 truy tố giao cho Tòa án nhân dân Quận 12 thụ lý xét xử năm sau cao hơn năm trước, thể hiện qua số liệu thống kê số vụ án hình sự được Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý từ năm 2011 đến hết năm 2015 như sau:

Bảng 2.1. Thống kê kết quả xét xử của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh).

Năm thụ lý vụ án hình sự	Số lượng vụ án đã thụ lý
Năm 2011	262 vụ
Năm 2012	293 vụ
Năm 2013	296 vụ
Năm 2014	322 vụ
Năm 2015	361 vụ

(Nguồn: Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh)

Theo bảng thống kê nêu trên cho thấy số lượng vụ án được Tòa án nhân dân Quận 12 thụ lý tăng dần theo các năm. Qua đó cho thấy cần phải quan tâm đầu tư hơn nữa cho lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội của Quận 12 nhằm mục đích kiềm chế sự gia tăng tội phạm để giảm số lượng các vụ án phải khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử.

2.2. Thực trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Thực trạng Tòa án nhân dân Quận 12 trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm đã có những thay đổi theo chiều hướng ngày tăng dần. Thể hiện theo bản thống kê hàng năm như sau:

Bảng 2.2. *Thống kê kết quả xét xử của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh .*

Năm	Số vụ Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát điều tra bổ sung/ Số vụ đã thụ lý	Tỷ lệ %
Năm 2011	28/262 vụ	10,68
Năm 2012	31/293 vụ	10,58
Năm 2013	33/296 vụ	11,4
Năm 2014	39/322 vụ	12,11
Năm 2015	54/361 vụ	14,95
Tổng cộng	185/1.534	12,05

(Nguồn: Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh)

Như vậy trong 5 năm từ năm 2011 đến năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 12 đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra bổ sung tổng cộng là 185 vụ/1534 vụ đã thụ lý, 368 bị can. Trong đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm là 42 vụ, chiếm tỷ lệ 2,73% trên tổng số vụ án mà Tòa án phải giải quyết; chấp nhận điều tra bổ sung là 143 vụ, chiếm tỷ lệ là 9,32% trên tổng số vụ án mà Tòa án phải giải quyết. Lý do Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung là bổ sung là có căn cứ khởi tố mới 05 vụ chiếm tỷ lệ 0,325%; trả nhập vụ án 03 vụ chiếm tỷ lệ 0,195%, trả để điều tra theo thẩm quyền 03 vụ chiếm tỷ lệ 0,195%; bổ sung chứng cứ là 110 vụ chiếm tỷ lệ 7,17%; trả để giám định hàm lượng ma túy là 64 vụ chiếm tỷ lệ 4,17%.

Có một số vụ án Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm không chấp nhận trả hồ sơ điều tra bổ sung là: Do có sự thay đổi và sự bất cập của các quy định của pháp luật hình sự về giám định hàm lượng ma túy, theo đó chỉ có một số ít trường hợp được đưa đi giám định hàm lượng chứ không phải trong mọi

trường hợp khi thu giữ được các chất nghi là ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại, hàm lượng, trọng lượng chất ma túy, tiền chất như trước đó đã thực hiện theo Công văn 234/TANDTC-HS ngày 17/9/2014 của Tòa án nhân dân tối cao.

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung do còn thiếu chứng cứ quan trọng đối với vụ án theo thống kê trong 5 năm của Tòa án nhân dân Quận 12 thì tỷ lệ án trả điều tra bổ sung do thiếu chứng cứ quan trọng chiếm tỷ lệ rất cao (7,17%). Một số lý do phổ biến thực tế đã xảy ra:

- Do chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ liên quan đến phần bồi thường dân sự. Thực tế các vụ án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung liên quan đến phần bồi thường dân sự xảy ra rất nhiều, nhất là trong các vụ án về vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, con người như cố ý gây thương tích, bắt giữ người trái pháp luật, các vụ án xâm phạm sở hữu....Trong các vụ án này, người bị buộc tội thường có trách nhiệm phải bồi thường để bù đắp một phần về những tổn thất về tinh thần, sức khỏe, chi phí khám chữa bệnh, mai táng, về tài sản. Thông thường, trong quá trình điều tra, truy tố các vụ án này, có nhiều người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự, nhưng khi ra tòa người bị hại lại thay đổi yêu cầu bồi thường của mình mà chưa xuất trình được đầy đủ giấy tờ, hóa đơn chứng từ để chứng minh cho việc chi phí khắc phục hậu quả như chi phí cấp cứu, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe đối với những tổn hại về sức khỏe, thu nhập bị mất của người bị hại, tiền cấp dưỡng cho thân nhân của người bị hại (đối với trường hợp người bị hại là lao động chính đã chết)... Bởi vậy, Tòa án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung để đảm bảo quyền lợi cho người bị hại hoặc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt người bị hại và trong quá trình điều tra, truy tố thì người bị hại từ chối giám

định thương tích và không có yêu cầu bồi thường dân sự nhưng tại phiên tòa bị cáo khai gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại để bồi dưỡng sức khỏe, Viện kiểm sát phải rút hồ sơ để điều tra bổ sung tình tiết mới này để làm căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi xét xử.

Ví dụ: Bị cáo Hồ Văn Út B cùng đồng bọn bị VKSND Quận 12 truy tố về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1, 2, 3 Điều 250 Bộ luật hình sự. Do không định giá các loại tài sản theo thời điểm phạm tội mà chỉ định giá một lần trước khi Cơ quan điều tra Công an Quận 12 ra bản Kết luận điều tra là không thể hiện chính xác giá trị của từng tài sản khi phạm tội, không đảm bảo cho việc xác định điều khoản truy tố các bị cáo và giá trị buộc bồi thường. Vì vậy TAND Quận 12 đã ra quyết định trả hồ sơ cho VKSND Quận 12 xác định các tài sản khi phạm tội có giá trị là bao nhiêu.

- Chưa xác định tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm, chưa xác định chính xác họ tên tuổi của người bị hại, người bị buộc tội. Về nguyên nhân này, lỗi có thể do những người tiến hành tố tụng chủ quan khi xác minh về nhân thân của bị can đặc biệt là những bị can có nhiều tiền án, tiền sự cũng có thể do lỗi về quản lý hành chính của các cơ quan chuyên môn chưa chặt chẽ. Có nhiều trường hợp, khi người tiến hành tố tụng lấy lý lịch tư pháp của bị can ở địa phương và lấy trích lục tiền án, tiền sự của bị can do Bộ Công an cung cấp đều thể hiện nhân thân chưa có tiền án, tiền sự gì nhưng khi ra Tòa bị cáo lại khai đã bị xử phạt hành chính về một hành vi nào đó thì Tòa án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung để xác minh tình tiết mới này. Cũng có trường hợp lý lịch địa phương cung cấp tên bị can khác so với tên trong giấy khai sinh của bị can hoặc khác so với tên trong trích lục tiền án, tiền sự mà những người tiến hành tố tụng thường không để ý trong quá trình điều tra, truy tố.

Ví dụ: Bị cáo Võ Hữu Đẹp (Lai) bị truy tố về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do Giấy khai sinh của bị cáo là bản photo không có chứng

thực sao y nên không có cơ sở khẳng định chính xác bị cáo bao nhiêu tuổi – đã thành niên hay chưa, mặt khác lời khai của người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mâu thuẫn về việc có lời khai người bị hại trực tiếp giao tài sản cho bị cáo mượn và bị chiếm đoạt, có người khai giao tài sản cho Cha bị cáo mượn sau đó bị cáo chiếm đoạt tài sản này. Do đó Tòa án đã trả hồ sơ để xác định người bị hại giao tài sản cho ai và xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; thu thập bản chính Giấy khai sinh của bị cáo.

- Chưa lấy lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Trong tố tụng hình sự người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; tham gia phiên tòa; phát biểu ý kiến, tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình; khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và họ phải có mặt theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và trình bày trung thực những tình tiết trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình.

Một số lý do trả hồ sơ để điều tra bổ sung do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng:

- Việc điều tra, truy tố không đúng thẩm quyền.

Ví dụ: Bị cáo là Dương Chí Công (Thắng) bị VKSND Quận 12 truy tố về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; người bị hại là ông Lee Hyung Ho là người có quốc tịch Hàn Quốc. Theo công văn số 81/2002 ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân Tối cao thì thẩm quyền giải quyết vụ án này là Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh. Do đó TAND Quận 12 hoàn trả hồ sơ cho VKND Quận 12 để chuyển hồ sơ đến VKSND Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

- Không mời luật sư, người bào chữa trong các trường hợp pháp luật quy định. Đó là những vụ án mà người thực hiện hành vi phạm tội là người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần. Thực trạng điều tra bổ sung vì nguyên nhân này xảy ra ít nhưng vẫn tồn tại do lỗi chủ quan của Cơ quan điều tra cũng như Viện kiểm sát.

Một số lý do trả hồ sơ để điều tra bổ sung do có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có người đồng phạm khác:

- Trả hồ sơ để yêu cầu thay đổi tội danh vì cho rằng bị can phạm một tội khác với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Có rất nhiều hành vi mà quan điểm của các cơ quan tiến hành tố tụng khác nhau khi định tội danh dẫn đến việc trả đi trả lại hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần để thống nhất, gây kéo dài thời gian giải quyết vụ án đặc biệt là các tội phạm về sở hữu, từ hành vi trộm cắp tài sản chuyển hóa thành hành vi cướp tài sản hoặc cưỡng đoạt tài sản với cướp tài sản.

Ví dụ: Bị cáo Lê Phước Lộc bị VKSND Q.12 truy tố về Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên căn cứ vào diễn biến thực tế thì bị cáo Lộc phạm Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Vì vậy TAND Q.12 đã ra quyết định trả hồ sơ đề nghị thay đổi tội danh đối với bị cáo Lộc.

- Trả hồ sơ để khởi tố bổ sung với tội danh khác ngoài tội danh Viện kiểm sát đã truy tố, Tòa án thấy hành vi phạm tội của bị cáo còn có dấu hiệu của một hay một số tội phạm khác cần phải truy tố ra trước Tòa án.

Ví dụ: Bị cáo Vũ Hà Quỳnh Châu bị VKSND Q.12 truy tố về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS. Tuy nhiên qua nghiên cứu hồ sơ và tại phiên tòa thì thấy rằng bị cáo Châu ngoài hành vi phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản còn có hành vi phạm Tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan tổ chức theo Điều 226

BLHS. Vì vậy TAND Q.12 đã ra Quyết định trả hồ sơ để truy tố bổ sung bị cáo Châu về tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan tổ chức theo Điều 226 BLHS.

2.3. Đánh giá thực trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

* Những kết quả đạt được:

- Về cơ bản việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung là có căn cứ, đúng pháp luật, cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Trong đó, chủ yếu là đều nhằm để củng cố chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người bị buộc tội.

- Việc điều tra bổ sung đều được các cơ quan tiến hành tổ tụng thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của BLTTHS quy định như: việc trả hồ sơ điều tra bổ sung được thể hiện bằng quyết định tổ tụng do người có thẩm quyền ký, khi có kết luận điều tra bổ sung Cơ quan điều tra đều ban hành kết luận điều tra bổ sung.

- Các yêu cầu điều tra bổ sung chính đáng đều được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn, góp phần bảo đảm việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, kịp thời đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

* Những tồn tại thiếu sót:

- Trình tự, thủ tục điều tra bổ sung có trường hợp chưa được bảo đảm như: Trong một vụ án, Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung đến 3 lần, thời hạn điều tra bổ sung kéo dài hơn 02 tháng. Sau khi điều tra bổ sung, thay đổi nội dung cáo trạng nhưng không nêu thay đổi cho bản cáo trạng ban hành trước đây, làm cho bị cáo nhận nhiều bản cáo trạng nhưng họ không biết cáo trạng nào là cáo trạng đưa ra Tòa xét xử.

- Vẫn còn trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung không có căn cứ hoặc nội dung yêu cầu điều tra bổ sung không khả thi, dẫn đến việc điều tra bổ sung không thực hiện được, kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Cơ quan thực hiện việc điều tra bổ sung có lúc thực hiện chưa đầy đủ và đảm bảo những nội dung quan trọng phải làm rõ. Không đáp ứng được vấn đề cần điều tra bổ sung làm ảnh hưởng đến thời gian, kết quả giải quyết vụ án. Vì vậy chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra là điều tra, truy tố và xét xử vụ án một cách nhanh chóng, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Sự phối hợp giữa Tòa án với Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra có lúc chưa nhịp nhàng, cứng nhắc hoặc nể nang làm ảnh hưởng đến thời gian cũng như kết quả điều tra bổ sung chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Việc Tòa án ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, tuy nhiên trong quá trình phân tích chúng tôi nhận thấy việc trả hồ sơ điều tra bổ sung tập trung vào hai nguyên nhân cơ bản, đó là nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan.

** Nguyên nhân khách quan*

Tình hình tội phạm ngày càng diễn biến phức tạp, phương pháp, thủ đoạn thực hiện hành vi tội phạm tinh vi, nhiều vụ án phạm tội có tổ chức, phạm tội nhiều lần, địa điểm gây án ở nơi vắng vẻ, không có nhân chứng...nên công tác điều tra và kiểm sát điều tra gặp nhiều khó khăn trong việc xác định sự thật khách quan vụ án. Nhiều tình huống phát sinh ngoài dự kiến nên việc nhận định, đánh giá chứng cứ, điều tra vụ án chưa toàn diện, từ đó dẫn đến một số vụ án còn thiếu chứng cứ, nhiều tình tiết chưa được làm rõ mà không thể khắc phục được nên phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- Một số loại tội phạm, nhất là tội phạm trong lĩnh vực kinh tế, chức vụ thường rất phức tạp, vì liên quan đến nhiều đối tượng, nhiều lĩnh vực, cần

phải đi xác minh nhiều nơi, làm việc với rất nhiều cơ quan liên quan, nên việc xác minh gặp nhiều khó khăn, phải gia hạn điều tra nhiều lần mới đủ thời gian kết luận điều tra, vì vậy thiếu sót trong công tác điều tra là khó tránh khỏi.

- Quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự có nhiều nội dung còn bất cập, thiếu chặt chẽ, nhiều quy định chưa rõ ràng, chẳng hạn như thế nào là thu lợi bất chính lớn, rất lớn, đặc biệt lớn quy định tại các Điều 155, 156, 159... Thế nào là hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các Điều 157, 158... Trong khi đó công tác hướng dẫn về nhận thức và áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng không thống nhất về đánh giá chứng cứ, tội danh cũng như đường lối xử lý vụ án.

- Quy định trong Bộ luật hình sự về mặt kỹ thuật lập pháp có rất nhiều tội danh chỉ được thiết kế theo hình thức chỉ nêu tội danh mà không mô tả hành vi, còn quy định tội ghép. Một số tội mà hành vi khách quan của tội này và tội khác tương tự nhau nên ranh giới để xác định giữa có tội hay không có tội hoặc giữa tội này với tội khác là rất khó. Trong khi đó, việc hướng dẫn, giải thích luật của cơ quan tư pháp trung ương còn chậm, chưa kịp thời làm cho việc nhận thức và áp dụng pháp luật hình sự trong thực tiễn gặp nhiều khó khăn. Công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cũng chưa được quan tâm đúng mức, vừa thiếu vừa không đồng bộ. Điều này dẫn đến trong thực tế việc hiểu và áp dụng pháp luật giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có vụ, có nơi chưa thống nhất nên quá trình xác định hành vi của một người có cấu thành tội phạm hay không nếu có thì cấu thành tội gì? Điều nào của Bộ luật hình sự và khoản mấy của điều luật gặp nhiều khó khăn.

- Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC của Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Công

an – Tòa án nhân dân tối cao ngày 27/8/2010 (Thông tư liên tịch 01/2010) hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật TTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì thấy rằng việc nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng, của Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán có lúc chưa thống nhất với điểm c khoản 3 Điều 1 quy định “không được trả hồ sơ nếu là chứng cứ quan trọng nhưng nếu thiếu cũng truy tố, xét xử hoặc không thể thu thập được”. Tại Điều 11 của Thông tư liên tịch 01/2010 quy định cách tính tỷ lệ án trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng chưa rõ, dẫn đến việc vận dụng còn thiếu thống nhất, nhất là các vụ án trả không có căn cứ, Viện kiểm sát hoặc cơ quan điều tra không chấp nhận.

- Thông tư liên tịch 01/2010 chưa quy định cụ thể những chứng cứ mà Viện kiểm sát không thể bổ sung được theo điểm a khoản 3 Điều 1; điểm đ khoản 2 Điều 1 chưa quy định cụ thể việc thu thập chứng cứ chứng minh độ tuổi của bị can, bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự; điểm h khoản 2 Điều 1 chưa xác định “chứng cứ xác định lý lịch tư pháp của bị can, bị cáo” gồm những gì? Chưa có hướng dẫn “chứng cứ trong vụ án” bao gồm những nguồn chứng cứ nào? điểm c khoản 1 Điều 3 “có vi phạm thủ tục tố tụng, nhưng không xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng thì Viện kiểm sát không được trả hồ sơ để điều tra bổ sung” điểm a khoản 3 Điều 4; khoản 2 Điều 7 quy định “Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung nhưng Viện kiểm sát không tự mình điều tra bổ sung được nên Viện kiểm sát trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung”, nhưng chưa quy định thời hạn điều tra bổ sung được tính như thế nào? khoản 4 Điều 7 còn quy định chung chung, thiếu cụ thể, khó xác định Tòa án trả đúng hay sai, dẫn đến khó xác định trách nhiệm và tính số vụ án trả hồ sơ thuộc cơ quan nào.

- Thông tư liên tịch 01/2010 mới quy định về việc xác định trách nhiệm trong việc trả hồ sơ của các cơ quan tiến hành tố tụng nhưng chưa quy định chế tài cụ thể đối với các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khi có lỗi trong việc trả hồ sơ điều tra bổ sung.

- Giữa Bộ luật tố tụng hình sự với Thông tư liên tịch 01/2010 còn có những mâu thuẫn như: Điều 2 của Thông tư liên tịch quy định Viện kiểm sát trả hồ sơ điều tra bổ sung trong trường hợp “có căn cứ để khởi tố bị can về tội khác”, “chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hành vi của bị can đã thực hiện cấu thành một hay nhiều tội khác”, “có căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị can không phạm vào tội đã bị khởi tố”. Trong khi đó Tòa án “có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố” theo Điều 196 Bộ luật TTHS.

- Hoạt động hỗ trợ tư pháp có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động tố tụng, đặc biệt là trình tự, thủ tục và thời gian giám định thương tật, giám định chữ viết, định giá tài sản... Có vụ án do căn cứ vào kết quả giám định, Viện kiểm sát truy tố nhưng Tòa án thấy không đủ cơ sở nên trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- Việc thu thập các bản án, trích lục án hoặc giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù của bị can có nhiều tiền án cũng gặp nhiều khó khăn. Việc quản lý về lý lịch hành chính tư pháp của các cơ quan chuyên môn chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng một người có nhiều giấy khai sinh với năm sinh, địa chỉ khác nhau. Đối với các vụ án có bị can hoặc bị hại do thiếu hiểu biết hoặc cố tình khai báo sai sự thật gây ảnh hưởng đến kết quả điều tra, truy tố, xét xử phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Bên cạnh đó, trong thời gian gần đây các đối tượng thường phản cung sau khi nhận bản kết luận điều tra, cáo trạng

hoặc tại phiên tòa, các đối tượng nại ra các tình tiết mới nhằm chối tội từ đó Viện kiểm sát, Tòa án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung.

- Các loại tội phạm mới, tội phạm công nghệ cao; công tác giám định dấu vết; công tác khoa học kỹ thuật hình sự ... có nhiều phức tạp chưa thống nhất, dẫn đến có sự nhận thức khác nhau làm ảnh hưởng đến thời gian, chất lượng giải quyết vụ án.

- Khi Quốc hội ra Nghị quyết 388/2003/NQ-UBTVQH11 về bồi thường thiệt hại cho người bị oan sai do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra và Luật bồi thường nhà nước đã tác động đến tư tưởng và trách nhiệm của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán nên một số người tiến hành tố tụng tỏ ra dè dặt, thận trọng quá mức trong việc đấu tranh xử lý tội phạm, từ đó tìm mọi lý do để trả hồ sơ điều tra bổ sung mặc dù lý do đó không cần thiết hoặc thiếu căn cứ.

** Nguyên nhân chủ quan*

- Ý thức trách nhiệm, năng lực nghiệp vụ của một số Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên chưa cao, chưa đáp ứng được với yêu cầu nhiệm vụ. Quá trình giải quyết án một số cán bộ chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy trình nghiệp vụ cũng như quy định của Bộ luật TTHS trong việc thu thập, bảo quản chứng cứ, lấy lời khai, hỏi cung... Một số điều tra viên chưa cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, kịp thời tài liệu cho Kiểm sát viên nên Kiểm sát viên không phát hiện được hồ sơ cần điều tra thêm những vấn đề gì. Vì vậy, không kịp thời đề ra yêu cầu điều tra, dẫn đến khi hồ sơ chuyển qua Viện kiểm sát không đủ chứng cứ, không đầy đủ thủ tục tố tụng và bỏ lọt hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát không tự khắc phục được. Một số trường hợp đã có yêu cầu điều tra nhưng điều tra viên không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ song Kiểm sát viên không kiên quyết yêu cầu Điều tra viên phải thực hiện đầy đủ.

- Một số trường hợp Kiểm sát viên còn thụ động chờ việc, chưa chủ động đề ra những yêu cầu điều tra trong hoạt động giám sát điều tra vụ án, vẫn còn thụ động chờ án kết thúc điều tra chuyển đến thì Kiểm sát viên mới nghiên cứu hồ sơ vụ án, dẫn đến việc chậm phát hiện những vi phạm về tố tụng, thiếu chứng cứ...Ngoài ra, có những trường hợp kiểm sát viên không chủ động kiểm tra, giám sát những vấn đề phát sinh đối với các vụ án do Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung để phối hợp với Cơ quan điều tra làm tốt yêu cầu điều tra bổ sung.

- Lãnh đạo đơn vị có lúc chưa kịp thời kiểm tra, đôn đốc Kiểm sát viên, Điều tra viên cũng như chưa trực tiếp nghiên cứu hồ sơ vụ án. Một số Kiểm sát viên, Điều tra viên khi báo án chưa báo hết, đầy đủ các nội dung tình tiết của vụ án nên gây khó khăn cho việc chỉ đạo nghiệp vụ, dẫn đến chỉ đạo không sâu, không phát hiện thiếu sót trong việc đánh giá chứng cứ, tội danh.

- Lãnh đạo liên ngành chưa thật sự dành nhiều thời gian để quan tâm, kiểm tra, chỉ đạo, nắm bắt tiến độ điều tra, chưa đánh giá kịp thời những diễn biến khó khăn, thuận lợi của vụ án để bố trí cán bộ một cách hợp lý nhằm vừa phát huy được năng lực, trách nhiệm của cán bộ, vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn. Vì vậy, không phát hiện kịp thời những thiếu sót trong việc đánh giá chứng cứ, định tội danh...dẫn đến phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- Một số trường hợp hồ sơ chỉ thiếu những chứng cứ, thủ tục đơn giản có thể khắc phục được ngay nhưng Tòa án vẫn trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung.

- Bên cạnh đó, ở địa phương còn thiếu về số lượng Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán trong khi đó phải đảm đương khối lượng công việc, số vụ án thụ lý lại nhiều. Do đó đội ngũ những người tiến hành tố tụng vẫn chưa đáp ứng với những yêu cầu của hoạt động tố tụng hiện nay. Kiểm sát viên,

Điều tra viên, Thẩm phán chưa được thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ nên hoạt động chưa đều tay.

- Trách nhiệm của một số Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án; việc đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, có tư tưởng sợ trách nhiệm, dẫn đến có nhiều nội dung yêu cầu điều tra bổ sung chỉ là những thiếu sót giản đơn có thể khắc phục được tại Tòa, không cần thiết phải trả hồ sơ nhưng Tòa vẫn trả hồ sơ, dẫn đến Viện kiểm sát không chấp nhận, vụ án được đưa ra xét xử tuyên bị cáo phạm tội theo quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

- Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, giữa Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán có vụ chưa được chặt chẽ, việc đánh giá chứng cứ, tội danh, nhất là đối với những vụ án phức tạp để bổ sung, khắc phục trước khi kết thúc điều tra, truy tố, xét xử chưa kịp thời. Chưa có sự phối hợp trao đổi giữa Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa nên một số vụ án có thể khắc phục tại phiên tòa xét xử, không cần thiết phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng Hội đồng xét xử vẫn trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Viện kiểm sát không chấp nhận, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Kết luận chương 2

Trong chương 2 của luận văn, chúng tôi đã phân tích, làm rõ thực trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm từ thực tiễn Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung chính là: Phân tích các quy định của pháp luật về chế định Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Thực tiễn áp dụng pháp luật hiện hành về việc trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm tại Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh; Đánh giá thực trạng Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Đối với nội dung thứ nhất, chúng tôi đã phân tích các quy định liên quan đến việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và nêu lên những vướng mắc, khó khăn trong việc áp dụng các căn cứ để trả hồ sơ điều tra bổ sung. Ngoài ra, chúng tôi đã so sánh với các chế định trả hồ sơ điều tra bổ sung trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (hiện chưa có hiệu lực thi hành).

Nội dung thứ hai, làm rõ thực tiễn trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm thông qua việc nghiên cứu, phân tích các vụ án trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án nhân dân Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh từ 2011 đến hết năm 2015.

Nội dung thứ ba, làm rõ nguyên nhân dẫn đến tình trạng Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Qua đó nêu lên những kết quả đạt được và những tồn tại, vướng mắc khi trả hồ sơ để điều tra bổ sung, làm cơ sở để đưa ra các giải pháp đảm bảo góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Chương 3

BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG ĐÚNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ HÌNH SỰ SƠ THẨM

3.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự

- Tại thời điểm tác giả viết luận văn này thì Bộ luật tố tụng năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành. Thực tiễn thì Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đang được áp dụng. Do đó tác giả đưa ra các ý kiến để nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật liên quan đến việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Nghiên cứu sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 121 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, quy định: “Trường hợp hồ sơ do Viện kiểm sát trả lại để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá 2 tháng; nếu do Tòa án trả lại thì thời hạn điều tra bổ sung không quá 1 tháng. Thời hạn điều tra bổ sung tính từ ngày Cơ quan điều tra nhận lại hồ sơ vụ án và yêu cầu điều tra”. Tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “thời hạn điều tra bổ sung tính từ ngày Cơ quan điều tra nhận lại hồ sơ vụ án và yêu cầu điều tra bổ sung”. Như vậy Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 mới chỉ quy định thời điểm bắt đầu thời hạn Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Cơ quan điều tra là tính từ ngày Cơ quan điều tra nhận được hồ sơ vụ án và yêu cầu điều tra. Thực tế có nhiều vụ án Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung nhưng Viện kiểm sát không tự mình bổ sung được mà phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra, một thời gian sau Viện kiểm sát mới chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra; trường hợp Tòa án đã ra quyết định điều tra bổ sung nhưng đến hết thời hạn tạm giam của Tòa mới chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung đều làm ảnh hưởng đến tiến độ điều tra vụ án. Vì vậy cần thiết bổ sung quy định trong thời gian bao lâu kể từ ngày Viện kiểm sát nhận được hồ sơ do Tòa án trả lại để điều tra bổ sung thì Viện kiểm sát phải chuyển cho Cơ quan điều tra và quy

định trong thời gian bao lâu kể từ ngày Tòa án ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung thì Tòa án phải chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì “Khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được.” Tại điểm a khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì “Khi thiếu chứng cứ dùng để chứng minh một trong những vấn đề quy định tại Điều 85 của Bộ luật này mà không thể bổ sung tại phiên tòa được”. Điều bất cập từ quy định này thể hiện ở chỗ, căn cứ này được áp dụng trong trường hợp trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Nếu phiên tòa chưa diễn ra thì làm sao Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa biết “không thể bổ sung tại phiên tòa được”. Điều đó có nghĩa, để tuân thủ căn cứ này, Thẩm phán phải tự dự trù tình huống sẽ diễn ra tại phiên tòa. Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp đều dự trù được. Để đảm bảo tính thống nhất, căn cứ này cần phải quy định chỉ áp dụng cho Hội đồng xét xử tại phiên tòa mà không áp dụng cho Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Trong giai đoạn xét xử, việc trả hồ sơ điều tra bổ sung của Tòa án diễn ra ở giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Tuy nhiên, không như quy định trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, việc Hội đồng xét xử yêu cầu điều tra bổ sung tại phiên tòa không được Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nêu căn cứ cụ thể cũng như không có quy phạm dẫn chiếu đến các căn cứ mà Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Vì vậy, cần bổ sung căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Hội đồng xét xử vào Bộ luật tố tụng hình sự. Chẳng hạn, cần có quy phạm dẫn chiếu căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung tại Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 vào quyền yêu cầu điều tra bổ sung của Hội đồng xét xử và bổ sung thêm những căn cứ phù hợp với tính chất của phiên tòa sơ thẩm. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 hiện nay

cũng không nêu các căn cứ cụ thể để Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Tuy nhiên BLTTHS năm 2015 có một số quy định mới như Điều 251 - Tạm ngừng phiên tòa. Theo đó thì việc xét xử có thể tạm ngừng khi cần phải xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiện ngay tại phiên tòa và có thể thực hiện được trong thời hạn 05 ngày...; Điều 252 quy định Tòa án xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ; Điều 253 quy định về việc Tòa án tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án. Những quy định mới của BLTTHS năm 2015 về các quy định này giúp cho việc bổ sung một số vấn đề thiếu sót của vụ án được nhanh chóng hơn, không phải bắt buộc phải thông qua các thủ tục như ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung và phải chờ đợi kết quả sau đó mới mở lại phiên tòa được. Những quy định về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung và quy định Tòa án được tiến hành dừng phiên tòa để xác minh, thu thập chứng cứ là sự tiến bộ góp phần vào việc điều tra, truy tố và xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm, bảo vệ quyền con người và quyền công dân đã được ghi nhận trong Hiến pháp 2013.

- Đề nghị quy định rõ số lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung là 02 lần cho dù đó là Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử hình sự sơ thẩm hay Quyết định trả hồ sơ của Hội đồng xét xử sơ thẩm. Trường hợp sau 02 lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung mà Viện kiểm sát cùng cấp không đáp ứng được các yêu cầu điều tra bổ sung thì tùy từng trường hợp mà Tòa án có quyết định phù hợp, chẳng hạn Tòa thấy rằng không có cơ sở chắc chắn để kết tội bị cáo thì tuyên người này không phạm tội do Viện kiểm sát truy tố hoặc trường hợp chỉ có căn cứ buộc bị cáo phạm một tội mà không có cơ sở buộc tội khác thì chỉ tuyên bị cáo phạm một tội v.v như vậy mới bảo đảm công lý, công bằng và đảm bảo quyền con người.

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định của Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC của Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Công an – Tòa án nhân dân tối cao ngày 27/8/2010 hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật TTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Đề nghị bỏ điểm p khoản 2 Điều 4 quy định Thẩm phán có thể trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với các trường hợp không thuộc các trường hợp đã cụ thể hóa tại Thông tư liên tịch 01/2010, để tránh việc Thẩm phán tùy tiện trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát và tạo ra quan điểm khác nhau giữa cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án.

Giải thích rõ thuật ngữ “nghiêm trọng” có tính định tính quy định tại các điểm c, k, l, o của khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2010.

Cần quy định cụ thể Tòa án trả đúng hay trả sai trong trường hợp kết quả điều tra bổ sung không làm thay đổi quyết định truy tố của Viện kiểm sát, Viện kiểm sát có văn bản giữa nguyên quyết định truy tố và chuyển hồ sơ cho Tòa án theo khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch 01/2010.

Xem xét bổ sung để thống nhất các tính tỷ lệ đối với các vụ án Viện kiểm sát đã truy tố sau đó bị can khác ra đầu thú và phục hồi điều tra. Tòa án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát với lý do “truy tố thêm bị can trong cùng một vụ án” Viện kiểm sát đã chấp nhận và Tòa án tính đây là vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Trên cơ sở các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, các cơ quan có thẩm quyền cần sớm xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch mới hướng dẫn thi hành các quy định chưa được hiểu và áp dụng thống nhất về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong Bộ luật tố tụng hình sự.

3.2. Tổ chức thực hiện đúng các quy định của pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, hồ sơ vụ án sẽ được chuyển đến nhiều cơ quan tiến hành tố tụng khác nhau trong các giai đoạn tố tụng do Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định. Nhằm giúp cho việc giải quyết vụ án được triệt để, nhanh chóng và đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định khi hồ sơ được chuyển sang giai đoạn truy tố mà có căn cứ để trả hồ sơ điều tra bổ sung thì Viện kiểm sát quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung để cơ quan điều tra thực hiện; còn khi vụ án được chuyển sang giai đoạn xét xử thì Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung hoặc Hội đồng xét xử quyết định yêu cầu điều tra bổ sung khi có căn cứ do luật định. Bên cạnh đó, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 còn quy định về trình tự, thủ tục tiến hành như: chủ thể có thẩm quyền thực hiện, hình thức văn bản yêu cầu điều tra bổ sung, số lần yêu cầu điều tra bổ sung, thủ tục tiến hành yêu cầu điều tra bổ sung, thời hạn điều tra và thủ tục tiến hành sau khi điều tra bổ sung. Nhìn chung quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về yêu cầu điều tra bổ sung, thực hiện hoạt động điều tra bổ sung còn một số vướng mắc gây cản trở đến quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người tham gia tố tụng. Hiện nay Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã được ban hành sắp có hiệu lực pháp luật, các quy định về Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung đã được quy định cụ thể trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 khắc phục được nhiều vướng mắc.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã sửa đổi một số vấn đề liên quan đến chế định trả hồ sơ điều tra bổ sung. Cụ thể tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định như sau: “Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung khi thuộc một trong những trường hợp sau:

a) Khi thiếu chứng cứ dùng để chứng minh một trong những vấn đề quy định tại Điều 85 của Bộ luật này mà không thể bổ sung tại phiên tòa được;

b) Có căn cứ cho rằng ngoài hành vi mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị can còn thực hiện hành vi khác mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can;

c) Có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác hoặc có người khác thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can;

d) Việc khởi tố, điều tra, truy tố vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng;”

Tại điểm a khoản 1 Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định căn cứ để trả hồ sơ điều tra bổ sung “khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được”. Để hiểu thế nào là chứng cứ quan trọng thì Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC của Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Công an – Tòa án nhân dân tối cao ngày 27/8/2010 đã có hướng dẫn cụ thể những trường hợp thiếu chứng cứ nào là thiếu chứng cứ quan trọng đối với vụ án, đó là những chứng cứ để chứng minh “có hành vi phạm tội xảy ra hay không”, “thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội”, “ai là người thực hiện hành vi phạm tội”, “có lỗi hay không có lỗi”, “có năng lực trách nhiệm hình sự hay không”, “mục đích, động cơ phạm tội”, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo; những đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo, tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, chứng cứ khác để chứng minh một hoặc nhiều vấn đề quy định tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Tại điểm a khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định khi thiếu những chứng

cứ dùng để chứng minh một trong những vấn đề: “Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi; do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội; Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo; Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; Nguyên nhân và điều kiện phạm tội; Những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt” mà không thể bổ sung tại phiên tòa được thì Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát. Căn cứ để trả hồ sơ để điều tra bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được quy định rõ ràng và cụ thể hơn so với căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Trong trường hợp tại điểm b khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sử dụng thuật ngữ để chỉ tư cách tố tụng của người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự là “bị can”, khác với thuật ngữ “bị cáo) để chỉ tư cách tố tụng của người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Chúng tôi đồng tình với việc xác định tư cách tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, việc xác định đúng tư cách nhằm bảo đảm được quyền và lợi ích của người đang bị buộc tội. Ngoài ra, điểm b khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định cụ thể: “khi có căn cứ cho rằng ngoài hành vi mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị can còn thực hiện hành vi khác mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm”, việc quy định như trên khắc phục được tình trạng thực tiễn xét xử có nhiều cách hiểu khác nhau về thuật ngữ “tội khác” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Khái niệm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trước đây đã được quy định trong Thông tư liên tịch 01/2010, nay đã được đưa vào Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được quy định tại điểm 0 khoản 1 Điều 4: “Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là việc cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án”.

- Tại khoản 2 Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Trường hợp Viện kiểm sát phát hiện có căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì Viện kiểm sát có văn bản đề nghị Tòa án trả hồ sơ”. Thực tiễn có quan điểm khác nhau về việc tại phiên tòa khi thấy có căn cứ yêu cầu điều tra bổ sung, Kiểm sát viên sẽ đề nghị Hội đồng xét xử ban hành quyết định yêu cầu điều tra bổ sung. Có ý kiến cho rằng, bắt buộc Hội đồng xét xử phải xem xét. Ý kiến khác lại cho rằng, không cần xem xét vì Bộ luật tố tụng hình sự không quy định thẩm quyền của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung. Chúng tôi cho rằng, theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung khi phát hiện chứng cứ trong hồ sơ chưa đủ để làm rõ các vấn đề cần chứng minh trong vụ án là không đúng nhiệm vụ của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tuy nhiên với chức năng của Tòa án và chức năng của Viện kiểm sát cũng như nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chúng tôi cho rằng, cần trao quyền đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định quyền hạn đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát.

- Trước đây việc thực hiện quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung không được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 mà chỉ được hướng dẫn trong phần 4 Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 5/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC của Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Công an – Tòa án nhân dân tối cao ngày 27/8/2010. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định trả hồ sơ để điều tra bổ sung tại khoản 3 Điều 280 cụ thể: “Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải ghi rõ những vấn đề cần điều tra bổ sung và gửi cho Viện kiểm sát kèm theo hồ sơ vụ án trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nếu kết quả điều tra bổ sung dẫn tới việc đình chỉ vụ án thì Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án và thông báo cho Tòa án biết trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nếu kết quả điều tra bổ sung dẫn tới phải thay đổi quyết định truy tố thì Viện kiểm sát ban hành bản cáo trạng mới thay thế bản cáo trạng trước đó.

Trường hợp Viện kiểm sát không bổ sung được những vấn đề mà Tòa án yêu cầu và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố thì Tòa án tiến hành xét xử vụ án”.

- Khoản 6 Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định tại phiên tòa Hội đồng xét xử có quyền trả hồ sơ vụ án để Viện kiểm sát điều tra bổ sung; yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu, chứng cứ, tuy nhiên Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không quy định các căn cứ để trả hồ sơ điều tra bổ sung của Hội đồng xét xử. Không như trường hợp Viện kiểm sát, Thẩm phán yêu cầu điều tra bổ sung, việc Hội đồng xét xử yêu cầu điều tra bổ sung không được Bộ luật tố tụng hình sự quy định một cách đầy đủ, việc xác định Hội đồng xét xử có thẩm quyền yêu cầu điều tra bổ sung hay không chỉ căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 199 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 với

nội dung: “Quyết định về việc thay đổi thành viên của Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định, người phiên dịch, chuyên vụ án, yêu cầu điều tra bổ sung, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án và về việc bắt tạm giam hoặc trả tự do cho bị cáo phải được thảo luận và thông qua tại phòng nghị án và phải được lập thành văn bản”. Tuy nhiên, quy định này không chỉ rõ thẩm quyền của Hội đồng xét xử mà chỉ nêu lên thủ tục ban hành quyết định yêu cầu điều tra bổ sung của Hội đồng xét xử. Chính vì quy định chưa rõ ràng của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nên thực tiễn có nhiều cách hiểu khác nhau về thẩm quyền của Hội đồng xét xử về yêu cầu điều tra bổ sung (tức Hội đồng xét xử có thẩm quyền yêu cầu điều tra bổ sung hay không). Chúng tôi cho rằng, việc quy định Hội đồng xét xử được yêu cầu điều tra bổ sung là phù hợp với tình hình điều tra, truy tố, xét xử mà mô hình tố tụng đang được áp dụng ở nước ta hiện nay.

- Thời hạn trả hồ sơ điều tra bổ sung và số lần điều tra bổ sung được quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, cụ thể: “Trường hợp vụ án do Viện kiểm sát trả để yêu cầu điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá 02 tháng; nếu do Tòa án trả lại để yêu cầu điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá 01 tháng. Viện kiểm sát chỉ được trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung hai lần. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần và Hội đồng xét xử chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần. Thời hạn điều tra bổ sung tính từ ngày Cơ quan điều tra nhận lại hồ sơ vụ án và yêu cầu điều tra bổ sung”. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định rõ ràng, tránh được các cách hiểu khác nhau về số lần trả hồ sơ điều tra bổ sung của Tòa án, mặt khác quy định như vậy sẽ nâng cao trách nhiệm của Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, trong tiến hành phiên tòa, đảm bảo giải quyết kịp thời, không kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Ngoài ra, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định cụ thể hơn Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về giới hạn xét xử của Tòa án tại Điều 298, cụ thể: “Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố; trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh Viện kiểm sát truy tố thì Tòa án trả hồ sơ để Viện kiểm sát truy tố lại và thông báo rõ lý do cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, người bào chữa biết; nếu Viện kiểm sát vẫn giữ tội danh đã truy tố thì Tòa án có quyền xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn đó”.

Nhìn chung chế định Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được quy định cụ thể và rõ ràng hơn, khắc phục được những vướng mắc của chế định Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

3.3. Tăng cường mối quan hệ giữa Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

Qua thực tiễn cho thấy ở những đơn vị có mối quan hệ phối hợp tốt giữa hai ngành Tòa án và Viện kiểm sát thì tỷ lệ Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung thấp. Do vậy, các cơ quan này cần tiếp tục thực hiện tốt sự phối hợp liên ngành để hạn chế tình trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Mặt khác cần thiết xây dựng các quy chế phối hợp liên ngành nội chính các cấp về mối quan hệ giữa các cơ quan, cán bộ tiến hành tố tụng trong việc giải quyết các vụ án hình sự.

Hiện nay, mối quan hệ này được thực hiện trên những văn bản là Bộ luật tố tụng hình sự và một số Thông tư liên ngành cấp Trung ương. Tuy nhiên, những văn bản này vẫn chưa quy định rõ trách nhiệm phối hợp của các bên hoặc có quy định trách nhiệm nhưng không có sự ràng buộc trách nhiệm pháp lý nào nên rất khó cụ thể hóa tại địa phương, do vậy trong thời gian tới

cần tiếp tục nghiên cứu, bàn bạc, thảo luận trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành để ban hành “Quy chế phối hợp trong việc điều tra bổ sung các vụ án hình sự”.

Về quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát và Tòa án trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công nghiên cứu hồ sơ cần phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án để đánh giá toàn diện chứng cứ, nếu phát hiện còn thiếu chứng cứ hoặc có vi phạm thủ tục tố tụng thì Thẩm phán trao đổi và yêu cầu Kiểm sát viên bổ sung chứng cứ. Tránh trường hợp những chứng cứ có thể bổ sung được nhưng Thẩm phán không tạo điều kiện để Kiểm sát viên bổ sung hoặc nghiên cứu chưa kỹ nên không phát hiện được những chứng cứ còn thiếu, đến khi xét xử mới phát hiện được dẫn đến hoãn phiên tòa trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Tại phiên tòa, kiểm sát viên chủ động phối hợp với Hội đồng xét xử làm rõ những tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề mới hoặc phức tạp mà không bổ sung được, thì Hội đồng xét xử mới trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trước khi quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Thẩm phán cần trao đổi trước với Kiểm sát viên những vấn đề cần được làm rõ thêm; những nội dung còn thiếu trong hồ sơ vụ án mà Viện kiểm sát hoặc Tòa án không tự mình bổ sung được.

Trong quá trình làm việc, cơ quan tiến hành tố tụng các cấp phải thường xuyên tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn để báo cáo lãnh đạo liên ngành pháp luật Trung ương sửa đổi, bổ sung. Đối với các vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung, các cơ quan tiến hành tố tụng cần nghiêm túc kiểm điểm làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm cá nhân, đồng thời rút kinh nghiệm trong đơn vị.

3.4. Nâng cao năng lực của cán bộ

Một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung là các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cần phải có nhận thức đúng đắn, thống nhất về vai trò, ý nghĩa của hoạt động điều tra bổ sung. Cũng như có ý thức trong việc tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Mỗi Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiên cứu các quy định của pháp luật cũng như thường xuyên cập nhật các văn bản mới có liên quan đến việc giải quyết vụ án hình sự. Đặc biệt là nghiên cứu và nắm vững các điều luật được quy định trong Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự về các vấn đề như chứng cứ, thủ tục tố tụng, trả hồ sơ điều tra bổ sung...

Kiểm sát viên phải hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong hoạt động kiểm sát điều tra vụ án hình sự. Ngay từ giai đoạn khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Kiểm sát viên phải bám sát các tiến độ của hoạt động điều tra vụ án, hướng dẫn điều tra. Ngoài ra, Kiểm sát viên cần trao đổi định kỳ với Điều tra viên để nắm bắt các thông tin về tiến độ và nội dung của vụ án, phối hợp cùng với Điều tra viên giải quyết các vấn đề mới phát sinh. Đối với những vấn đề mà Điều tra viên, Kiểm sát viên không thể giải quyết được thì cần báo ngay cho lãnh đạo hai ngành, xin ý kiến để có thể giải quyết dứt điểm, tránh tình trạng tồn đọng không đáng có. Đối với vụ án đặc biệt nghiêm trọng, có tính chất phức tạp, được dư luận quan tâm thì Viện kiểm sát cần phải kịp thời phân loại, đánh giá để phân công Kiểm sát viên có năng lực và kinh nghiệm trực tiếp thực hiện quyền công tố, kiểm sát điều tra ngay từ khi Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi cũng như trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, khám xét, thu giữ vật chứng hoặc khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Kiểm sát viên được phân công thụ lý vụ án phải yêu cầu

Điều tra viên thu thập ngay chứng cứ, tài liệu có liên quan và khắc phục hạn chế những thiếu sót vi phạm tố tụng ngay từ ban đầu.

Chủ động đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Tòa án mà trước mắt là nâng cao năng lực và quy mô đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Tòa án. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho Thẩm phán nói riêng và cán bộ ngành Tòa án nói chung về các mặt chính trị, pháp luật, nghiệp vụ xét xử và các kiến thức bổ trợ khác như: Kinh tế, xã hội, ngoại ngữ, tin học, chứng khoán, sở hữu trí tuệ để có thể đáp ứng yêu cầu về hội nhập quốc tế và khu vực. Tăng cường kỷ luật công vụ, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đối với vi phạm của cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị.

Để có một đội ngũ cán bộ chất lượng đáp ứng yêu cầu công tác thì việc thường xuyên bồi dưỡng thông qua các lớp tập huấn nghiệp vụ, hội thảo chuyên môn hàng năm, tọa đàm, xây dựng những chuyên đề... là rất cần thiết. Thông qua các lớp nghiệp vụ, hội thảo này Kiểm sát viên, Thẩm phán trao đổi học hỏi nâng cao trình độ nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm công tác, có nhận thức thống nhất về pháp luật. Tổ chức các cuộc họp thường niên có sự tham gia đầy đủ của các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán để báo cáo tổng hợp những vụ án điển hình về những tồn tại, thiếu sót, những nguyên nhân của tồn tại, thiếu sót, giải pháp khắc phục và qua đó giúp Thẩm phán, Kiểm sát viên và Điều tra viên rút kinh nghiệm đồng thời tăng cường phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Như vậy, việc tăng cường công tác tập huấn và rút kinh nghiệm nghiệp vụ là rất cần thiết để cán bộ trong ngành tư pháp không chỉ vững về chính trị mà còn có chuyên môn, nghiệp vụ cao.

Kết luận chương 3

Trong chương này của luận văn, chúng tôi đưa ra các phương hướng, giải pháp cơ bản góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Nhóm giải pháp thứ nhất là tổ chức thực hiện tốt quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Qua đó đưa ra được những vấn đề khó khăn vướng mắc trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nhưng vẫn chưa được Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 điều chỉnh.

Nhóm giải pháp thứ hai là nâng cao nhận thức của người tiến hành tố tụng; Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Tòa án và Viện kiểm sát; Tăng cường kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác điều tra, truy tố.

KẾT LUẬN

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung là chế định quan trọng trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Chế định này bảo đảm mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, đồng thời cũng thể hiện quan hệ chế ước giữa các cơ quan này trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Trả hồ sơ điều tra bổ sung nhằm đảm bảo việc giải quyết vụ án hình sự được toàn diện, đúng người, đúng tội, chính xác, khách quan không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, bảo vệ được quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Qua các năm thực hiện quy định của tố tụng hình sự cho thấy việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm có nhiều vấn đề vướng mắc, có nhiều quan điểm khác nhau về các căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Việc hiểu và xác định các căn cứ để Tòa án trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát điều tra bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử là vấn đề quan trọng không chỉ với Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa mà còn đối với các Kiểm sát viên và Điều tra viên.

Đề tài trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm theo pháp luật hình sự Việt Nam đã được chúng tôi tìm tòi, nghiên cứu các tài liệu để giải quyết, hoàn thiện từng chế định, từng vấn đề đặt ra và đạt những kết quả nhất định. Cụ thể:

Hoàn thiện khái niệm hồ sơ vụ án hình sự, điều tra bổ sung, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự;

Hoàn thiện lý luận về trả hồ sơ để điều tra bổ sung;

Phân tích nguyên tắc xác định sự thật của vụ án;

Tìm hiểu về vai trò, vị trí, chức năng của Tòa án và Viện kiểm sát cũng như mối quan hệ giữa hai cơ quan này;

Phân tích các quy định về Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, những vấn đề lý luận đặt ra khi Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung;

Đưa ra những phương hướng, giải pháp cơ bản góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm.

Đây là đề tài nghiên cứu hoàn chỉnh về chế định hoàn trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử hình sự sơ thẩm, là cơ sở nghiên cứu các chế định khác cũng như nhận thức áp dụng thống nhất pháp luật.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Duy Biên (2009), *Về việc thẩm phán trả hồ sơ để điều tra bổ sung*, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, (số 11), tr. 37-40.
2. Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Bộ Nội vụ - Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao (1998), *Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 15/10/1994 hướng dẫn việc giải quyết các vụ án trọng điểm*, Hà Nội.
5. Bur-cốp-xki L.E (1992), *Sự phát triển của các quy định của Luật Tố tụng hình sự về hoạt động điều tra*, Hà Nội.
6. Lê Tiến Châu (2003), *Một số vấn đề về chức năng buộc tội*, Tạp chí Khoa học pháp lý, (số 3), tr. 43-48.
7. Lê Tiến Châu (2008), *Trả hồ sơ điều tra bổ sung nhìn từ mối quan hệ giữa chức năng buộc tội và chức năng xét xử*, Tạp chí Kiểm sát, (số 17), tr. 22-26.
8. Chính phủ (1945), *Sắc lệnh số 33-SL ngày 13/9/1945 về việc thành lập Tòa án quân sự*, Hà Nội.
9. Chính phủ (1959), *Nghị định số 256-TTg ngày 01/7/1959 quy định về tổ chức và nhiệm vụ của Viện công tố*, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Khổng Hà, Trần Minh Hương (2000), *Tìm hiểu Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

11. Nguyễn Văn Du (2005), *Khái niệm chứng cứ trong tố tụng hình sự: nhìn từ góc độ lịch sử và luật so sánh*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 11), tr.37-43.
12. Nguyễn Ngọc Điệp (2001), *Những điều cần biết về thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Trần Văn Độ (2000), *Hoàn thiện các quy định của pháp luật về giới hạn xét xử*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 08), tr. 01-03.
14. Đỗ Văn Dương (2006), *Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự*, Nxb Tư pháp.
15. Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân.
16. Phạm Hồng Hải (1999), *Đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
17. Lê Thị Hiền (2005), *Về cách thức ban hành bản án*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 11), tr. 16-17.
18. Mai Thanh Hiếu, Nguyễn Chí Công (2008), *Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự*, Nxb Lao động – Xã hội, Hà Nội.
19. Nguyễn Viết Hoạt (2007), *Bản chất của hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự*, Tạp chí khoa học pháp lý, (số 03), tr. 51-57.
20. Hội luật gia Việt Nam (2012), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
21. Nguyễn Đình Huệ (2009), *Một số vấn đề về trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 04), tr. 33-37.
22. Xuân Huy và Đồng Công Hữu (2007), *Từ điển tiếng việt*, Nxb Trẻ, Hà Nội.

23. Nguyễn Duy Hưng (2005), *Về thời điểm chuyển đổi tư cách bị can sang tư cách bị cáo trong tố tụng hình sự*, Tạp chí khoa học pháp lý, (số 26), tr. 57-59.
24. Vũ Gia Lâm (2013), *Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về việc tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung*, Tạp chí tòa án nhân dân, (số 8), tr. 16-24.
25. Nguyễn Quang Lộc (2013), *Bàn về chế định “Trả hồ sơ điều tra bổ sung”*, Tạp chí tòa án nhân dân, (số 8).
26. Nguyễn Phúc Lưu (2006), *Bàn về việc trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung*, Tạp chí kiểm sát, (số 11), tr. 22-25.
27. Nguyễn Ngọc Kiện (2012), *Hoàn thiện chế định Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung trong Bộ luật Tố tụng hình sự 2003*, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, (số 7), tr. 37-43.
28. Nguyễn Ngọc Kiện và Võ Thị Kim Oanh (2010), *Thực tiễn áp dụng quy định về Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung*, Tạp chí khoa học pháp lý, (số 3).
29. Võ Thị Kim Oanh (2011), *Xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
30. Nguyễn Thái Phúc (2007), *Sự tham gia bắt buộc của người bào chữa trong tố tụng hình sự*, Tạp chí khoa học pháp lý, (số 04), tr. 50-55.
31. Đỗ Ngọc Quang (1997), *Mối quan hệ giữa cơ quan điều tra với các cơ quan tham gia tố tụng hình sự*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Đinh Văn Quế (2004), *Một số vấn đề về thủ tục xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm hình sự theo Bộ luật Tố tụng hình sự 2003*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 08), tr. 3-10.

33. Đinh Văn Quế (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. Đinh Văn Quế (2006), *Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Tòa án nhân dân, Hà Nội, (số 14), tr. 29-34.
35. Đinh Văn Quế (2007), *Bình luận án và một số vấn đề thực tiễn áp dụng trong Bộ luật hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
36. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự Việt Nam sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Hà Nội.
37. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003*, Hà Nội.
38. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015*, Hà Nội.
39. Quốc hội (1946), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946*, Hà Nội.
40. Quốc hội (1959), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1959*, Hà Nội.
41. Quốc hội (1980), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980*, Hà Nội.
42. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992*, Hà Nội.
43. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Hà Nội.
44. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014*, Hà Nội.
45. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014*, Hà Nội.
46. Hoàng Thị Sơn (1998), *Chức năng buộc tội, bào chữa, xét xử trong tố tụng hình sự*, Tạp chí Luật học, (số 02), tr. 35-38.

47. Hoàng Thị Minh Sơn (2013), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
48. Hồ Sỹ Sơn (2005), *Hoàn thiện mối quan hệ giữa Tòa án và Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 02), tr. 63-68.
49. Thái Đức Thịnh (2006), *Một số ý kiến về việc trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 5), tr. 25-28.
50. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Công văn số 121/2003/KHXX ngày 19/09/2003 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự*, Hà Nội.
51. Tòa án nhân dân tối cao (2004), *Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao số 04/2004/NQ – HĐTP ngày 05/11/2004 hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba “xét xử sơ thẩm” của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003*, Hà Nội.
52. Tòa án nhân dân tối cao – Bộ Công an – Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2006), *Thông tư liên tịch 03/2006/TTLT – BCA – VKSNDTC – TANDTC ngày 01/6/2006 hướng dẫn về việc thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan tới người phạm tội*, Hà Nội.
53. Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao (1988), *Thông tư liên tịch (số 01), TANDTC – VKSNDTC/TTLT ngày 08/12/1988 hướng dẫn thi hành một số quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.
54. Đào Anh Tới (2014), *Hoàn thiện chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong Bộ luật Tố tụng hình sự sửa đổi*, Tạp chí Kiểm sát, (số 13), tr. 43-46.
55. Trung tâm biên soạn từ điển Bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Hà Nội.

56. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2002), *Pháp lệnh Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân 2002*, Hà Nội.
57. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2011), *Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
58. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2006), *Sổ tay Kiểm sát viên hình sự (tập I)*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
59. Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao – Bộ Quốc phòng – Bộ Công an (2008), *Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT - VKSNDTC-TANDTC-BQP-BCA ngày 20/10/2008 về quan hệ phối hợp trong một số hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong Quân đội và ngoài Quân đội*, Hà Nội.
60. Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (2011- 2015), *Báo cáo công tác từ năm 2011 đến năm 2015*, Thành phố Hồ Chí Minh.
61. Viện ngôn ngữ học (2002), *Từ điển Tiếng Việt phổ thông*, Nxb, Thành phố Hồ Chí Minh.
62. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb, Công an nhân dân, Thành phố Hồ Chí Minh.
63. Võ Khánh Vinh (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
64. Vư – sinxki (1967), *Lý luận chứng cứ trong pháp luật Xô Viết*, Nxb Hà Nội.
65. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Sổ tay thẩm phán 2006*, www.toaan.gov.vn/portal/page/page/portaf/ebb, ngày cập nhật 06 tháng 9 năm 2009.